

# HỢP TUYỂN THÂN HỌC

TẬP PHỔ BIẾN THÂN HỌC, PHÁT HÀNH KHÔNG ĐỊNH KỲ

Số 38 & 39

Năm XV (2005)

**CHỦ ĐỀ :**

**KINH TIN KÍNH**

**Công Thức Biểu Trình  
Đức Tin Công Giáo**

**Bình Giải**



# HỢP TUYỂN THẦN HỌC

**Tập phổ biến Thần học, phát hành không định kỳ**

**Chủ biên:** M. Nguyễn Thế Minh, S.J.

**Phụ biên:** F. Gómez Ngô Minh, S.J.

**Nhóm hợp tác:** Phạm Văn Ái, S.J. (Úc Đại Lợi); Trần Đức Anh, O.P. (Ý Đại Lợi); Đỗ Quang Biên (Hoa Kỳ); Vũ Kim Chính, S.J. (Đài Loan); Phan Đình Cho (Hoa Kỳ); Đinh Đức Đạo (Ý Đại Lợi); Trần Văn Hoài (Ý Đại Lợi); Vũ Xuân Huyền (Thụy Sĩ); Trần Văn Khả (Ý Đại Lợi); Lại Văn Khuyến (Hoa Kỳ); Nguyễn Tiến Lãng, CSsR (Pháp); Trần Đình Nhi (Hoa Kỳ); Nguyễn Văn Phương (Ý Đại Lợi); Nguyễn Văn Sĩ, OFM (Ý Đại Lợi); Nguyễn Đoàn Tân, OFM (Hoa Kỳ); Phan Tấn Thành, O.P. (Ý Đại Lợi); Hoàng Minh Thắng (Ý Đại Lợi); Nguyễn Chí Thiết (Pháp); Nguyễn Đức Thụ, S.J. (Úc Đại Lợi); Trần Ngọc Thu (Vatican); **Bùi Hữu** Thư (Hoa Kỳ); Nguyễn Trọng Tước, S.J. (Hoa Kỳ); **Phạm Minh Ước**, S.J. (Úc Đại Lợi); Phạm Văn Vương (Phi Luật Tân).

**Tòa soạn:** 42 rue de Grenelle – 75343 Paris Cedex 07 – France

☎: (01) 44 39 46 57 – fax: (01) 44 39 46 93

e-mail: [mimisj@hth.org](mailto:mimisj@hth.org)

**Ấn hành:** 3925 Tambor Road – San Diego, CA 92124 – USA

☎: (858) 571 7839 – [hth@hth.org](mailto:hth@hth.org)

**Tổng quản:** *Vietnamese Theological Association*

1609 Lozano Drive – Vienna, VA 22182 – USA

☎: (703) 281 7929 – [hth@hth.org](mailto:hth@hth.org)



**Số 38&39 Năm XV (2005)**

## NGÀI SỐNG LẠI

Ngày thứ ba bởi trong kẻ chết  
mà sống lại.

Lên trời,  
ngự bên hữu Đức Chúa Cha  
phép tắc vô cùng.

Ngày sau bởi trời lại xuống  
phán xét kẻ sống và kẻ chết.

*Ngày thứ ba Người sống lại  
đúng như lời Thánh Kinh.*

*Người lên trời  
ngự bên hữu Chúa Cha.*

*Và Người sẽ lại đến trong vinh  
quang để phán xét kẻ sống và  
kẻ chết, triều đại Người sẽ vô  
cùng vô tận.*

Với câu này, Kinh Tin Kính đặt tới trọng tâm của đức tin vào Chúa Kitô: tất cả những tín điều tuyên xưng về Đức Giêsu đều gắn chặt với chân lý này. Nếu loại trừ biến cố phục sinh đi, thì không thể hiểu được, cách hợp lý, sự kiện xuất hiện và đà triển phát của Kitô giáo. Sinh thời dương thế, Đức Giêsu đã cho thấy Ngài coi bản thân và sứ mạng mình như là một; vì thế, khi Ngài bị giết chết – và chết trên thập giá! – chương trình của Ngài, nhóm môn đồ cũng như mọi dự án liên quan đến Ngài đều xem như tan biến hết. Thế mà ít năm sau những tai ương ấy, lịch sử cho thấy “phong trào kitô” nhân danh Ngài lại bùng lên và triển phát rất thịnh vượng.

Sau ngày thứ sáu ấy – ngày Đức Giêsu chịu tử nạn – nhóm môn đồ đã tàn nát ân trốn mắt hút vì sợ người Do thái (x. Mc 14:50; 16:11; Ga 20:19). Nếu họ đã đặt niềm tin vào Ngài, đã ước mong một điều gì, thì thập giá cũng đã làm cho tiêu tán tất cả như mây khói, cũng đã biến tất cả thành ảo tưởng: họ không còn hy vọng gì nữa cả (x. Lc 24:21). Là những người ít học, không có địa vị trong xã hội, đến từ một miền quê xa... thế nên, vắng Thầy là họ trở thành bơ vơ, tán loạn, chẳng biết xoay xử như thế nào (x. Cv 4:13). Lịch sử biết đến một số trường hợp tương tự như thế trong



thời ấy: lãnh tụ bị giết là những kẻ a tông liền tan rã, phong trào cũng biến mất (x. Cv 5:34tt).

Thế nhưng, các môn đồ của Đức Giêsu vẫn còn. Một dữ liệu lịch sử chắc chắn là chỉ ít năm sau khi Đức Giêsu chịu chết, Giêrusalem đã chứng kiến sinh hoạt của nhóm tín hữu tin vào Ngài: họ rao giảng và kiên vững làm chứng – trong tư thế là những chứng tá đã thấy tận mắt, nghe tận tai – về Ngài, về sự việc Ngài đã sống lại và đang sống, v.v... dù có phải chịu đòn vọt, tù đầy và giết chết. Ngoài ra, họ còn nói rõ về kinh nghiệm tác động của Thần Khí làm việc ở trong họ, đổi mới họ... rồi nhân danh Đức Kitô, họ tụ họp thành một cộng đoàn – Giáo hội – với nghi thức phụng tự riêng, và cho đến nay, 20 thế kỷ sau, đức tin ấy vẫn tiếp tục tồn tại nguyên vẹn. Có thể tóm lược như sau về sự việc “đổi mới” ấy: nhóm môn đồ đã trở thành tông đồ, những người tin theo một vị Thầy (Giêsu) đã trở thành nhân chứng của Đấng Thiên sai, vốn là người Do thái (giáo), nhưng nay họ đã trở thành kitô hữu, nhóm người Do thái, môn sinh của một *Rabbi*, nay đã trở thành *ekklesia*, Giáo hội. Họ tin vững rằng chính kinh nghiệm về Đức Kitô phục sinh đã làm cho nảy sinh nên lòng tin cá nhân nơi mỗi người trong họ, cũng như sứ điệp cộng đồng họ loan báo. Điều gì đã xảy ra?

Không ai đã tận mắt chứng kiến biến cố sống lại; dù có xưng là “nhân chứng” của sự việc Đức Kitô sống lại (x. Cv 2:32; 3:15; 5:32; 10:39), thì không bao giờ các tông đồ nói là các vị đã có mặt ở bên mồ lúc biến cố xảy ra. Trái lại, chỉ các ngụy thư mới dám ‘cả gan’ miêu tả – cho thỏa mãn tính tò mò bẩm sinh của con người – Đức Kitô lúc Ngài sống lại, đi ra khỏi mồ.

Để làm sáng tỏ vấn đề, thì thử hỏi: Các môn đồ của Đức Giêsu đã hiểu và đã tin những gì lúc Thầy mình còn sống cuộc đời dương thế?

Mt 16:16 ghi lại lời tuyên xưng của Phêrô: “Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống”; nhưng các văn bản song song Mc 8:29 và Lc 9:20 thì không ghi vế: “Con Thiên Chúa,” vì thế, các

nhà chú giải nghĩ rằng Matthêu đã lấy lại một công thức đức tin của thời hậu Phục sinh. Chính Matthêu cũng đã ghi lại trong câu 14:33, một lời tuyên xưng của các môn đồ: “Quả thật Thầy là Con Thiên Chúa,” nhưng tiếp theo đó, không thấy Đức Giêsu lên tiếng khen các ông như Ngài đã khen Phêrô (x. Mt 16:17); và nếu lời tuyên xưng qua câu Mt 14:33 đã được nói lên trước, thì câu trả lời của Phêrô trong Mt 16:16 sẽ không còn phải là lời tuyên xưng đầu tiên, và không đáng được Phúc Âm cần trọng nêu bật đến như thế. Xin ghi ra đây một vài thí dụ giúp cho hiểu về phương pháp hành văn của các tác giả Phúc Âm: khi trình thuật những biến cố trước Phục sinh, các vị thường ghi kèm thêm những ý nghĩa mà các vị chỉ ý thức ra được một khi Đức Kitô đã sống lại, nhờ ánh sáng Phục sinh và ơn của Thần Khí sau ngày Lễ Hiện xuống. Phương pháp này còn lộ hiện rõ hơn trong Phúc Âm thánh Gioan, đã được ngài biên soạn theo dạng thức biện chứng “đức tin – vô tín.” Vì thế, ngay từ đầu, Phúc Âm thứ tư đã ghi lại nhiều lời tuyên xưng thật là rõ ràng; thí dụ Ga 1:49; 6:69; 16:30; v.v...

Khi sinh hoạt với Đức Giêsu, các môn đệ không đặt vấn đề theo cách kiêu trí thức: họ không tự hỏi Thầy mình có phải là “Thiên Chúa” hay không, bởi họ không thể nào ngờ được Thầy mình là Thiên Chúa! Lòng tin của họ đã không có được một nội dung rõ ràng, bởi đó chỉ là một thái độ hiện sinh, tức là chỉ biết đặt hết tin tưởng vào Thầy mình một cách vô điều kiện. Họ đã biết Ngài và tin vào Ngài, bỏ mọi sự vì Ngài và để theo Ngài: đó là hạt giống đức tin sẽ triển nở và mọc lên sau biến cố Phục sinh. Nếu họ nhìn nhận Đức Giêsu chỉ đơn thuần là Đấng Thiên sai, thì chắc hẳn họ đã hiểu lầm; tuy nhiên, không phải là chuyện lạ, vì tâm trí họ còn quá mù tối, thế tục.

Tuy nhiên, hạt giống đức tin ấy cần phải có nội dung khách quan. Lời nói và việc làm của Đức Giêsu chính là nội dung ấy: những lời nói và việc làm mà các môn đồ ghi nhớ nằm lòng, và đã trở thành mầm giống của đức tin sau Phục sinh. Xin được kể ra đây một số:



1). Thái độ của Đức Giêsu đối với Lễ Luật Thiên Chúa: chỉ có thể hiểu được nếu Ngài biết rõ ý Thiên Chúa một cách chắc chắn và trực tiếp. Đặc biệt là thái độ đối với ngày Sabát: “Ngày Sabát được làm ra vì con người, chứ không phải con người vì ngày Sabát. Bởi đó, Con Người làm chủ luôn cả ngày Sabát” (Mc 2:27-28). Về Đền thờ, Đức Giêsu cũng đã đưa ra một lời xác định đầy ý nghĩa: “Ở đây còn lớn hơn Đền thờ nữa” (Mt 12:6).

2). Đức Giêsu hiểu về sứ mệnh của Ngài một cách khác hẳn với “đư luận” Do thái, khác cả với truyền thống của Ítraen nữa. Ngài không theo đường lối của một “phái đảng” nào (Biệt phái, Sadóc, Nhiệt tình); như thế nghĩa là Ngài có một sứ mệnh hoàn toàn cá biệt và đặc thù. Ngài biết rõ cung cách Thiên Chúa can thiệp vào lịch sử (x. Mc 13:1tt; Lc 17:20-21; Ga 9:2-3; v.v...), tựa như Ngài có tương quan trực tiếp với chính Thiên Chúa.

3). Hết sức quan trọng là sự việc Đức Giêsu gọi Thiên Chúa bằng danh hiệu *abba*, “ba” (x. Mc 14:36); các môn đồ không thể không ngạc nhiên khi nghe xưng hô như thế, và quả thật họ đã không quên điều mạc khải trọng đại đó (x. Rm 8:15; Gl 4:6).

4). Đức Giêsu ý thức mình được sai đến để hòa giải những tội nhân và tha thứ mọi tội lỗi (x. Mt 11:4t; Mc 2:5-12,13-17; Lc 15; v.v...), ngoài sức tưởng tượng của dân chúng và các luật sĩ.

5). Đức Giêsu biết mình là “Đấng phải đến” (Mt 11:3t; Lc 4:18t; 10:23-24), là “Con vua Đavít,” Đấng “Thiên sai,” dù chưa chắc Ngài hiểu rõ ý nghĩa của các tước hiệu ấy (x. Mt 21:1tt; 22:41tt).

6). Sứ điệp của Đức Giêsu không nói về “thế giới tương lai” như các thầy *Rabbi* khác trong thời ấy, mà là về “vương quyền của Thiên Chúa.” Hơn nữa, Ngài đóng giữ vai trò quyết định ở trong “Nước Thiên Chúa,” đến độ vương quyền ấy quả đã thực sự hiện diện ở nơi Ngài rồi (x. Mt 12:28; Mc 4:11; Lc 17:21).

7). Bữa tiệc ly đã ghi lại trong tâm khảm các môn đệ một kinh nghiệm sâu đậm, khi họ nghe Thầy mình nói về “giao ước mới,”

về cuộc tử nạn Ngài sắp trải qua cũng như về ý nghĩa của biến cố ấy. Chắc hẳn, thay vì xóa mờ đi, thì ngược lại những thử thách của cuộc thương khó càng bền chắc ghi khắc những kỷ niệm đó vào sâu trong tâm khảm của các môn đệ.

8). Cuối cùng, hẳn nhiều chi tiết trong đời sống Đức Giêsu đã không thể không khiến các môn đồ phải suy nghĩ. Trước hết là các phép lạ, việc trừ quỷ, cách nói năng giảng dạy có “uy thế.” Vậy, Ngài là ai? Một ngôn sứ? — Hẳn là hơn. Đấng Thiên sai ư? — Có lẽ còn hơn thế nữa. Bởi còn hơn cả Salômon (x. Mt 12:42), hơn cả Đavít (x. Mt 22:45), hơn Đền Thờ (x. Mt 12:6), và hơn cả Luật về ngày Sabát (x. Mt 12:8). Những bậc “hơn” đó là như những bậc thang đưa dẫn các môn đồ bước dần lên tới căn tính đích thực của Thầy mình.

Cái gì đã làm cho họ hiểu? Thưa: Biến cố Phục sinh. Biến cố ấy là như ánh sáng soi dẫn cho họ nhận ra những điều họ hằng nhìn mà không thấy. Bấy giờ mọi sự đều có ý nghĩa, vì họ nhìn với “con mắt đức tin,” chứ chẳng phải họ đã bịa đặt ra những biến cố ấy. Các học giả đã giải thích như sau:

Đối với các tông đồ, Tin Mừng mà thiếu đi biến cố Phục sinh thì chẳng những là một Phúc Âm cắt cụt, mà thực ra không phải là Tin Mừng gì cả. *Kerygma* – sứ điệp của Thiên Chúa – có đứng vững hay không là tùy ở tâm điểm của nó, tức là tùy ở sứ điệp Phục sinh. Sự việc Đức Kitô sống lại là điều kiện tiên quyết để Giáo hội có thể xuất hiện, là căn nguyên của niềm tin đặc thù Kitô giáo vào Thiên Chúa, cũng như của mỗi quan tâm Kitô giáo có đối với đời sống con người ở thế giới này. Nếu có một khâu trong chuỗi dài các sự kiện để chịu toàn bộ sức nặng của cả dây xích đang treo, thì, theo Tân Ước, khâu ấy chính là biến cố Sống Lại. Hiện nay, đại đa số các nhà chú giải đều đồng ý là Kitô học của Tân Ước đã khởi phát và hình thành từ niềm tin của các môn đệ, hằng kiên quyết tuyên xưng rằng Đức Giêsu, người đã bị đóng đinh, nay đã được Thiên Chúa cho sống lại từ cõi chết.



Tất một lời, có thể coi biến cố Sống Lại như là dấu cộng (+) hay dấu trừ (-) đặt trước một biểu thức: nó không thuộc về công thức nhưng lại đổi hết số trị; đổi với toàn bộ cuộc đời và sứ mạng của Đức Giêsu, biến cố Sống Lại cũng giữ một vai trò tương tự như thế: là làm cho tất cả mang ý nghĩa tràn đầy, hay trở thành phi lý, vô ích. Nhưng, thực sự biến cố Sống Lại đã mang lại ý nghĩa tràn đầy cho tất cả!

### ***Đức Kitô đã sống lại thật***

Nghiên cứu về biến cố Phục sinh là một việc làm hết sức phức tạp. Không dễ mà chứng minh; phủ nhận thì xem ra hiển nhiên hơn; thuyết phục cho tin nhận thì đó là do ơn của Thần Khí Thiên Chúa. Trước hết, cần phải ý thức rõ đó là một mầu nhiệm, và vì thế hàm chứa một nội dung vô tận. Thánh Tôma Aquinô đã có dịp nhận định như sau:

“Viết về mỗi phép lạ và lời nói của Đức Giêsu Kitô có nghĩa là phải giải thích tầm quan trọng của mỗi lời và mỗi việc. Mà mỗi lời nói, mỗi việc làm của Đức Kitô thì đều là của Thiên Chúa. Vì vậy, nếu có ai muốn khai triển hoặc trình bày ý nghĩa của mỗi việc như thế, thì hẳn là không làm nổi. Còn hơn thế nữa, dù toàn thể nhân loại cùng làm, thì cũng không thực hiện được việc này, vì những lời con người có nhiều bao nhiêu mặc lòng thì cũng không bằng một Lời duy nhất của Thiên Chúa. Từ buổi đầu trong Giáo hội cho tới nay, bao giờ cũng có những sách viết về Đức Kitô, nhưng vẫn không đủ. Dù thế giới có còn kéo dài thêm một trăm triệu năm, thì những cuốn sách viết về Đức Kitô cũng vẫn tiếp tục xuất hiện mãi; tuy vậy, những lời nói việc làm của Đức Kitô vẫn còn phải tiếp tục chờ để được giải thích cho đầy đủ thỏa đáng.” (*Super Evangelium Joannis lectio*, Torino, 1952, tr. 488).

### ***Những chứng tá về sự việc Đức Kitô sống lại***

Để củng cố niềm tin đối với biến cố Phục sinh, hiện chỉ còn một cách duy nhất là nghiên cứu các văn bản Kinh Thánh. Văn



bản xưa nhất là các thư của thánh Phaolô. Thư xem thánh tông đồ đã nói gì về vấn đề này.

Năm 50, Phaolô đã giảng đạo và sáng lập cộng đồng Thêxalônica. Vì người Do thái gây phiền phức, ngài đành phải ra đi. Và năm sau đó, ngài đã viết thư cho cộng đồng này, gồm những kẻ đã bỏ ngẫu tượng để sống trong niềm trông đợi Đức Giêsu “mà Thiên Chúa đã cho chỗi dậy từ cõi chết” (1Tx 1:10; công thức này được dùng lại trong câu Rm 10:9). Trong câu 1Tx 4:14, tác giả nhấn mạnh đến điểm quan yếu cần phải tin là các tín hữu đã chết sẽ sống lại; lý do là vì “chúng ta tin rằng Đức Giêsu đã chết và đã sống lại.” Trong câu trước, “Thiên Chúa” làm chủ từ, còn trong câu tiếp ngay sau, “Đức Giêsu” làm chủ từ. Điều đáng lưu ý là ngay trong thời ấy mà niềm tin vào biến cố sống lại đã xem ra hoàn toàn hiển nhiên trong một cộng đồng Hy Lạp.

Bản văn quan trọng nhất là 1Cr 15. Thư được viết khoảng năm 56, nhân vụ tranh luận giữa một nhóm trong cộng đồng, về sự sống lại nói chung, không được rõ về chi tiết. Trọng điểm của chương thư nằm không những ở lời xác quyết về sự kiện Đức Giêsu đã sống lại, mà còn ở việc Phaolô nêu rõ chính mình là nhân chứng của sự kiện ấy. Làm như để mình bạch ghi lại lời tuyên tín chính thức về giáo điều này, vị tông đồ đã dùng đến công thức sau đây (1Cr 15:3-5):

“Trước hết, tôi đã truyền lại cho anh em điều mà chính tôi đã lãnh nhận, đó là:

1. a) [1] Đức Giêsu đã chết [2] vì tội lỗi chúng ta [3] đúng như lời Kinh Thánh,

b) Rồi Ngài đã được mai táng,

2. a) [1] và đã được thức dậy [2] ngày thứ ba [3] đúng như lời Kinh Thánh,

b) và Ngài hiện ra với Kêpha, rồi với Nhóm Mười Hai, sau đó, Ngài đã hiện ra với hơn năm trăm anh em một lượt, trong số ấy phần đông hiện nay còn sống, nhưng một số đã an nghỉ. Tiếp đến,

Ngài đã hiện ra với ông Giacôbê, rồi với tất cả các tông đồ; sau hết, Ngài cũng đã hiện ra với tôi, là kẻ chẳng khác nào một đứa trẻ sinh non.”

Sức thuyết phục của lời chứng này là ở chỗ chính Phaolô xác quyết mình đã tận mắt gặp thấy Đức Giêsu, lại còn nêu đích danh nhiều nhân chứng khác mà bất cứ ai cũng có thể chất vấn. Trục tiếp, Phaolô muốn dựa vào sự việc (vì) Đức Kitô đã sống lại (x. 1Cr 15:20.22; Cl 1:18) để minh chứng việc kẻ chết sống lại. Xin phân tích công thức trên đây:

Công thức triển khai theo nhíp 3 (1a và 2a) + 1 (1b và 2b) và như thế là để cho dễ nhớ: có lẽ đã được trích từ một “*Sách Giáo Lý*” sơ khai, mang truyền thống tính. Nếu phát nguyên từ gốc Do thái-Hy lạp, thì chắc hẳn công thức đã được Phaolô thấu thái tại Antiokia khoảng năm 40/42; nếu phát nguyên từ gốc Palétin, thì công thức đã được Phaolô gặp thấy tại Giêrusalem, năm 35. Dựa vào nhóm từ “ngày thứ ba,” có người cho rằng công thức ấy đã phát nguyên từ Giêrusalem, bởi lẽ chỉ ở tại Giêrusalem, nhóm từ này mới nói lên được ý nghĩa đầy đủ. Văn thể mang phong cách Do thái, tức theo lối cấu trúc song song, gồm các vế đối chiếu nhau với ý nghĩa tương tự.

Câu 1a và 2a đều khẳng định ba điểm [1], [2], [3] tương ứng với nhau: một sự kiện [1], ý nghĩa cứu độ của nó [2], và bằng chứng Kinh Thánh [3]. 1b và 2b cũng là những sự kiện làm bằng cho 1a[1] và 2a[1]: “Mai táng” minh chứng Đức Giêsu “đã chết,” và “hiện ra” minh chứng Ngài “đã được thức dậy.” Điều này cho thấy Phaolô quan niệm các cuộc hiện ra như là những sự kiện (như việc “mai táng” là một sự kiện lịch sử), chứ không như là những cảm tưởng hoặc kinh nghiệm huyền bí (cho dù có thể có hiện tượng huyền bí đi liền với sự kiện ấy). Và như Đức Giêsu “đã chết” (1a[1]), thì cũng vậy, Ngài “đã sống lại” (2a[1]): hai chân lý tương ứng với nhau. Cũng nên lưu ý đến một chi tiết khác nữa, đó là: động từ “đã chết” (*apéthanen*) ở thời bất định (*aoristo*), còn động từ “đã sống lại” (*egéretai*) thì lại ở thời hoàn thành. Theo văn



phạm Hy lạp, thời bất định nói lên ý nghĩa chi về một biến cố đã xảy ra trong quá khứ mà thôi, còn thời hoàn thành thì chi đến một biến cố quá khứ với kết quả vẫn còn tiếp tục, nghĩa là Đức Kitô đã sống lại và vẫn còn đang sống. Đối với Phaolô, các cách nói ‘xuống mồ’ và ‘ra khỏi mồ’ không chỉ đơn thuần mang ý nghĩa thông thường, mà còn gồm hàm một tầm trọng yếu về mặt thần học nữa: trong các câu Rm 6:3-4, tác giả so sánh phép Rửa (chìm vào nước, ra khỏi nước) với sự việc mai táng và sống lại của Đức Kitô. Công thức này không những tuyên xưng Đức Kitô đã sống lại, mà còn liệt kê ra cả một chuỗi biến cố liên tiếp đã xảy ra: chết, mai táng, sống lại, hiện ra, rồi xác định thêm rằng các điều đó đã xảy ra là để ứng nghiệm lời Kinh Thánh.

Phaolô quan niệm như thế nào về việc hiện ra? Tông đồ quả quyết mình “đã thấy Đức Giêsu, Chúa chúng ta” (1Cr 9:1), và hẳn là hiểu Ngài đã sống lại theo thể xác, vì trọn cả chương 1Cr 15 bàn luận về việc “thể xác sống lại,” một thể xác thật, tuy nhiên không phải là “vật lý” đơn thuần, song là mang tính chất Thần Khí lạ thường (x. 1Cr 15:44). Trong câu 15:5, tác giả dùng từ *ophthé* theo tặng cách: “đã hiện ra với,” giống như đọc thấy ở nhiều chỗ khác trong Tân Ước. Trong câu Gl 1:16, tông đồ dùng từ “mạc khải,” một động từ ít “vật chất” hơn so với từ “hiện ra”. Nhưng, nếu “hơn 500 anh em” đã thấy Chúa cùng một lúc, thì đó hẳn không phải là một hiện tượng thuần túy nội tâm, cá nhân riêng lẻ.

Đường như Phaolô đã dựa theo một danh bạ truyền thống để ghi lại tên và số những người đã thấy Chúa sau khi sống lại. Có thể tác giả đã có dịp biết đến danh bạ ấy khi đi lên Giêrusalem gặp Kê-pha và Giacôbê (x. Gl 1:18-19). Bản lược kê cũng chia làm hai phần, mỗi phần gồm ba trường hợp. Trước hết là cuộc hiện ra với Phêrô (hệt như trình thuật của Lc 24:34): điều này cho thấy vai trò nổi bật của Phêrô ở trong Giáo hội; những lần khác: không sắp theo thứ tự thời gian, có lẽ là theo thứ tự lôgic, và thực sự là như thế nào thì cũng không biết rõ. Các Phúc Âm không nhắc gì đến Giacôbê; tuy nhiên, chắc hẳn là vị này đã được Chúa sống lại hiện ra với; lý do



là bởi dù trước biến cố Phục sinh, xem ra đã không tin vào Đức Giêsu cho mấy (x. Ga 7:5), thì sau đó, Giacôbê cũng đã trở thành người lãnh đạo số một của cộng đồng Giêrusalem.

Ngày thứ ba có nghĩa gì? Không thấy có một chỗ nào ám chỉ đến “ngày thứ nhất” đối với “thứ ba” này, thế nên, xem ra nhóm từ này chỉ mang ý nghĩa tượng trưng hơn là chỉ về thời gian. Sử điệp Tin Mừng sơ khai (*kerygma*) đã dùng nhiều đến dữ liệu này (x. Mc 8:31tt; 9:31tt; 14:58tt; Lc 24:46; Cv 10:40). Hình như dữ liệu dựa theo một ký ức lịch sử: có lẽ “ngày thứ ba,” tức là Chúa nhật, ngày các môn đồ (sau các phụ nữ) ra mồ và thấy mồ trống, hoặc là ngày bắt đầu có những cuộc hiện ra; giả thuyết này xem ra có thể đúng vũng được nhờ vào Mc 16:1-2 là đoạn trình thuật rất tỉ mỉ về thời gian. Tuy nhiên, chủ yếu là ý nghĩa thần học. Trong công thức của 1Cr 15, “ngày thứ ba” tương ứng với “vì tội lỗi chúng ta” là nhóm từ nói lên ý nghĩa cứu độ. Vì thế, Cv 2:27 ghi là: “Chúa chẳng để Vị Thánh của Ngài phải hư nát.” Thiên Chúa cứu vớt “kịp thời và đúng lúc,” trước khi xác ửng đi. Chết chôn bốn ngày, nên xác của Ladarô đã ra “nặng mùi” (Ga 11:39). Theo truyền thống Kinh Thánh, “ngày thứ ba” là lúc Thiên Chúa cứu rỗi (x. Hs 6:1t), như thấy trong các biến cố: Abraham chuẩn bị sát tế Isaac (x. St 22:4), Giuse trả tự do cho anh em ông (x. St 42:17t), Giavê xuất hiện với dân Ngài (x. Xh 19:11.16), Đavít nghe tin mừng (x. 2Sm 1:2), vua Hêdêkia được hồi phục (x. 2V 20:5), Êtte bắt đầu cứu giúp Ítraen (x. Et 5:1), Giôna ra khỏi bụng cá (x. Gn 1:17; 2:10). Nhóm từ này muốn cho thấy là Thiên Chúa trung thành đối với Đức Giêsu, Tôi trung của Người. Nhà chú giải X. Léon-Dufour viết: “Khi ám chỉ về ‘ngày thứ ba,’ bản tuyên tín [Kinh Tin Kính] sơ thời đã không muốn xác định rõ ngày tháng, mà chỉ muốn gợi ý cho hiểu rằng sự việc Đức Giêsu sống lại là biến cố then chốt, tức theo đúng nghĩa, đó là biến cố tương tự như biến cố cánh chung.”

Nhóm từ “theo Kinh Thánh” cũng không muốn cụ thể trích dẫn hoặc chỉ về một câu một đoạn nào trong Cựu Ước, mà chỉ trưng dẫn Kinh Thánh nói chung, coi đó là biểu thức của ý định Thiên

Chúa đối với loài người. Thật ra, không có câu nào trong Cựu Ước nói rõ về biến cố Đức Kitô phục sinh. Giáo hội trung dân (chẳng hạn trong Cv 2:27; 13:35) câu của Tv 16:10, nhưng văn bản không nói rõ cho lắm về biến cố sống lại. Giáo hội luôn tin là Kinh Thánh nói về Đức Kitô, tất nhiên phải nói về mẫu nhiệm phục sinh (x. Lc 24:27); thế nên, các tác giả đầu tiên đã tra cứu trong hết các sách Kinh Thánh để xem “biến cố Đức Kitô” ăn khớp như thế nào với kế hoạch cứu độ.

### ***Tóm tắt về nhân chứng Phaolô:***

Nếu Đức Giêsu đã không sống lại thật, thì không thể nào hiểu được về nhân vật lịch sử Phaolô, người thành Tácxô. Thuộc phái Phariseu và vốn là người trí thức, ông đã tỏ rõ thái độ ‘thù ghét’ Đức Giêsu và tất cả những gì có liên hệ đến Ngài; ông thừa biết về vụ xử quyết Đức Giêsu mấy năm về trước. Thế mà ông đã trở thành một con người hoàn toàn khác: môn đồ, và còn hơn thế nữa, tông đồ của Đức Kitô, nhân chứng quả cảm, bất chấp vất vả, khó nhọc, gian khổ, bách hại, dám dành trọn cuộc đời để làm chứng về Ngài một cách vô vị lợi (x. 2Cr 4:7tt; 11:22tt); và như thế, chỉ vì đã được chính Đức Kitô gặp, chọn và sai đi (Gl 1:1. 11). Từ đó, Đức Kitô hằng sống là ý nghĩa của đời Phaolô, chi phối mọi sinh hoạt của vị tông đồ (x. Gl 2:20; 6:14-18), và người chỉ sống để làm chứng cho chân lý sống còn này: Đức Kitô đã chết và đã sống lại (x. 1Cr 15; Rm 4:24-5; 6:4.9; 7:4, v.v...). Cuối cùng, cũng chỉ vì chân lý ấy, Phaolô đã hy sinh mạng sống mình tại Rôma.

### ***Các lần hiện ra***

Các Phúc Âm kể lại một số những lần Đức Kitô phục sinh tìm gặp lại những người bạn đã từng sống với Ngài trước cuộc tử nạn Núi Sọ, thường được gọi là những lần hiện ra.

Trong Phúc Âm, các cuộc hiện ra là những bằng chứng then chốt về biến cố Đức Kitô phục sinh; có lẽ vì thế mà, như trong bất



cứ cuộc gặp gỡ “mắt thấy tai nghe” nào khác (x. Mt 13:16), các bản văn thường dùng những từ “thấy” và “nghe”. Matthêu dùng động từ *horáo*, “thấy”: như khi các bà “thấy” mồ (x. Mt 28:6), các môn đồ “thấy” Chúa (x. Mt 28:7.10.17). Máccô dùng động từ *horáo* (x. Mc 16:7) hoặc *theáomai* (x. Mc 16:14), tức “nhìn thấy.” Luca dùng động từ là *ophthé* (x. Lc 24:34), có nghĩa là “được thấy,” “làm cho họ thấy,” tựa như Phaolô viết ở trong 1Cr 15:5.8. Gioan cũng dùng từ *horáo*, đọc thấy trong câu nói của Maria Mácđala: “Tôi đã thấy Chúa!” (Ga 20:18; x. 20:24.25.29). Có nhiều dạng trong cách nói này: khi nhấn mạnh đến hoạt động giác quan của con người thì dùng *horáo* (thấy) trong dạng chủ động; khi nêu bật hoạt động của Thiên Chúa, thì dùng *óphthé*, trong dạng bị động hay dạng trung. Có điều đáng chú ý là không bao giờ các cuộc hiện ra này được gọi bằng từ *hórasis*, (x. Cv 2:17), hoặc *optasia* (x. Lc 1:22) có nghĩa là “thị kiến.” Khi nói về những thị kiến của mình (x. 2Cr 12:1tt), không bao giờ Phaolô bao gồm luôn những lần ngài tận mắt nhìn thấy Đức Kitô; không có thị kiến về Đức Kitô, hay nói cách khác, những thị kiến và những lần gặp thấy Đức Kitô phục sinh là hai kinh nghiệm khác hẳn nhau.

Lỗi ghi chép các truyện thuật này là lỗi trộn lẫn; không ai đã có thể phối hòa chúng cho thỏa đáng được, về mặt nơi chốn cũng như về mặt thời gian. Đức Kitô đã hiện ra bao nhiêu lần? Trong 1Cr 15, thánh Phaolô kể ra sáu lần: trước tiên là với Phêrô – xét vì địa vị Phêrô đóng giữ ở trong cộng đồng Giáo hội – và cuối cùng là với chính Phaolô. Là những chứng nhân chính thức hàng đầu, nên Nhóm Mười Hai đã được các nguồn truyền thống đặc biệt nêu bật trong những lần hiện ra tại Giêrusalem (x. Lc 24; Ga 20; Mc 16:9-20) cũng như tại Galilê (x. Mt 28; Ga 21; Mc 16:1-8). Phaolô cũng thuật lại tương tự, nhưng không nói rõ sự việc đã xảy ra tại nơi nào; Phaolô (x. 1Cr 15:8) cho biết lần Đấng Phục sinh đã hiện ra với mình là “lần cuối cùng”; như thế là vì nếu cuộc hiện ra này đã xảy ra vào khoảng năm 35, và thư 1Cr đã được viết vào khoảng năm 56, thì Phaolô không thấy có hoặc không biết đến một cuộc hiện ra nào khác sau năm 35. Tân Ước nêu bật tính cách có một không hai



của giai đoạn khai sơ Giáo hội: Gioan phân biệt giữa những ai đã tin vì thấy và những ai đã tin dù không thấy (x. Ga 20:29).

Dù sao, Tân Ước cũng bảo lưu một truyền thống độc lập khác nhắc đến sự việc Đức Giêsu phục sinh hiện ra với các phụ nữ. Phaolô không đề cập đến điểm này, có lẽ vì qua danh sách ghi trong 1Cr 15, tác giả chỉ muốn kể ra những nhân chứng chính thức theo Luật Do thái, tức là các tông đồ và môn đồ; phụ nữ không có quyền làm chứng tại tòa. Mc 16:8 làm như là phủ nhận sự việc các phụ nữ đã thấy Chúa; Luca không nói gì; Gioan chỉ nói đến Maria Mácđala; còn Mt 28:9-10 thì trình thuật rõ về việc một nhóm nhỏ các phụ nữ đã đến mở sáng ngày “thứ nhất trong tuần” và đã thấy Chúa (x. Mt 28:1.9-10). Quả là các cuộc “thấy Chúa phục sinh” như thế đã phải xảy ra thật, bởi vì trong hoàn cảnh văn hóa Do thái thời bấy giờ, các thánh sử khó có thể bịa đặt ra được những chuyện “tày trời” như thế.

Từ các trình thuật về sự việc Đức Kitô phục sinh hiện ra, có thể rút tía được những kết luận nào? Trước hết, tình trạng hỗn tạp, không thống nhất của các bản văn cho thấy rõ lòng trung thực của các tác giả, không tìm cách để phối hòa các nguồn dữ liệu truyền thống, mà chỉ chu đáo tiếp thu và cẩn trọng ghi lại những gì đã tìm biết được. Điều mà các tác giả chú ý nhất là làm chứng cho một biến cố duy nhất, quan trọng nhất: Đức Giêsu mà họ trình thuật cuộc đời từ lúc sinh ra cho đến lúc chết, chính là Đấng quả đã sống lại và đang sống như một số người – đặc biệt là các tông đồ – đã gặp và đã kiên quyết làm chứng (x. Cv 2:32). Đối với các chứng tá này, những chi tiết liên quan đến các cuộc gặp gỡ ấy chỉ có tính cách phụ thuộc. Riêng đối với cá nhân họ, kinh nghiệm ấy họ gọi là “thấy Chúa”; còn về phía Đức Kitô, họ hiểu đó là kinh nghiệm “sống lại.”

Tất cả các trình thuật đồng loạt cho thấy sáng kiến “hiện ra” hoặc “làm cho thấy” Ngài đều phát xuất từ Đức Kitô, và không bao giờ nói chỉ đến kinh nghiệm chủ quan của các môn đồ. Đức Kitô tự do hiện ra với ai Ngài muốn, chứ không phải với tất cả (Cv

10: 41). Các trình thuật về “hiện ra” được tổ chức theo hai dạng cấu trúc. Dạng đầu nhấn mạnh đến sự việc nhận ra Đấng phục sinh, và nêu bật sự kiện các nhân chứng đều đã gặp cùng một nhân vật, tức là Thầy của mình trước đây khi Ngài còn sống cuộc đời dương thế (x. Mt 28:9tt; Ga 20:24tt). Dạng thứ hai nêu cao việc phái gửi đi, và nói rõ về vai trò làm chứng tá của các tông đồ (x. Mt 28:15-20; Lc 24:36-49; Ga 20:16-23; Mc 16:14-20; Cv 1:4-8). Nhưng qua các trình thuật về “hiện ra,” bao giờ cũng thấy có những người nghi ngờ, vẫn không chịu tin (x. Mt 28:17; Mc 16:11,14; Lc 24:11,41; Ga 20:24-29). Thế mới rõ: đức tin là thái độ chấp nhận hoàn toàn tự do, không bắt buộc được; và khi một người đã không muốn tin, thì không một bằng cứ nào – dù hiển nhiên đến mấy – có thể làm cho thay đổi thái độ được. Và, không phải hết thảy những ai đã được Chúa hiện ra, đều trở thành tông đồ, thừa sai, hoặc người sáng lập Giáo hội: hai bạn đi Emmau, hoặc 500 anh em đọc thấy trong 1Cr 15:6 chẳng hạn, đã không được Tân Ước nhắc tới nữa.

## **Mồ trống**

Đoạn trình thuật về mồ trống đáng được đặc biệt lưu ý tới. Sự kiện này có mặt ở trong cả bốn Phúc Âm. Trong bài giảng ngày Hiện xuống (x. Cv 2:27-32), Phêrô đã ám chỉ đến sự kiện mồ trống. Còn Phaolô thì giả thiết điều đó trong câu 1Cr 15:4 – “mai táng, rồi sống lại” – và sau này qua hình ảnh so sánh việc chìm tận tòng vào nước và đưa ra khỏi nước (Phép Rửa) với cuộc mai táng và sống lại của Đức Kitô (x. Rm 6:3-4).

Hẳn là truyền thống này độc lập đối với các truyền thống khác về sự việc Đức Kitô sống lại, và phải phát sinh từ Giêrusalem, vì ở đây sự việc này có một tầm trọng yếu hết sức chủ chốt: có diên tàng lăm thì dám mới đứng lên loan báo và làm chứng về sự việc sống lại của một người đã chết chôn trong mồ, nếu người ta có thể thấy được mồ với xác! Mặt khác, không làm sao người Do thái có



thể dựng đứng nổi một chuyện trái ngược đến như thế với “lẽ thường” của bối cảnh văn hóa họ. Ngoài ra, những người đầu tiên chúng kiến mồ trống lại là những phụ nữ, tức những người không được Luật Do thái thừa nhận có quyền làm chứng. Thế nên, nếu Phúc Âm đã cẩn trọng ghi chép lại, thì là vì sự kiện đó có thật. Cả đến những kẻ thù cũng không thể phủ nhận được sự việc mồ trống, chỉ có việc là họ cắt nghĩa theo một cách khác, cho rằng các môn đồ Đức Kitô đã đến lấy trộm xác Ngài mang đi (x. Mt 28:13).

Có phải mồ trống là bằng cứ Đức Kitô đã sống lại không? — Không phải. Bởi sự kiện ấy có thể là kết quả của nhiều nguyên nhân khác nhau. Tuy nhiên, có lẽ đó là điều kiện cần thiết cho niềm tin của các tín hữu sơ khai ở Giêrusalem. Thần học coi sự kiện này là một dấu hiệu – như Ga 20:8 đã muốn ngầm chỉ – giúp cho hiểu cung cách Thiên Chúa hành động đối với con người: thông thường và bao nhiêu có thể, Ngài sắp đặt để mọi sự tiến hành theo kiểu nhận thức của lý trí con người, tức là một cách “hợp lý.” Vậy, trong sự kiện đó, Léon-Dufour đọc thấy ba biểu tượng: thứ nhất, tảng đá lăn ra, muốn cho hiểu rằng Đấng Phục sinh đã thắng thần chết và mở địa ngục ra; thứ hai là sự kiện mồ trống, tức là muốn chỉ về một khoảng hy vọng vì “Ngài không có ở đây!” và thứ ba, các tảng vải đặt đó cho thấy là không còn thân xác thông thường để mặc, để che. *Sách Giáo Lý* của Hội đồng Giám Mục Pháp viết:

“[mồ trống] vẫn là dấu chỉ cốt lõi của biến cố phục sinh. Bởi để mồ trống vắng cách không hiểu nổi, thể xác Đức Giêsu cho thấy rõ là đã thoát ra khỏi lãnh vực hiện tượng cảm nghiệm được, và khỏi luật chung phải thối rữa. Ở đây, cần phải lưu ý đến khúc quanh đoạn tuyệt với trật tự thông thường như quen thấy ở giữa thế gian. Thân thể Đức Giêsu đã trải qua một cuộc biến đổi vĩ đại, mà toàn thể vũ trụ sẽ trải qua trong thời cánh chung. Mồ trống làm chúng ta quan hệ nối liền thể xác hay chết của Đức Giêsu với thân thể vinh quang của Ngài, cho dù có một khoảng cách triệt để giữa hai thể cách” ( số 204).



## ***Tìm hiểu đức tin vào Đức Kitô phục sinh***

Biến cố Đức Giêsu sống lại không phải là một trong những trường hợp tương tự cùng thuộc một “loại,” tựa như cái chết của bác Minh nằm trong “loại” định luật phải chết của hết mọi người, nhưng là một sự kiện thuộc một “loại” khác hẳn. Biến cố Đức Giêsu sống lại là sự kiện duy nhất, không phải là một phép lạ tựa như việc Ladarô hồi sinh, nhưng là một biến cố hoàn toàn mới trong lịch sử nhân loại và trong kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa: là một cuộc sáng tạo mới. Tự bản chất, sự sống lại là đối tượng phải được tuyên xưng của đức tin. Phêrô loan báo Đức Kitô sống lại trước toàn dân Ítraen (x. Cv 3:14tt) cũng như trước Thượng Hội Đồng Do thái (x. Cv 4:10). Phaolô cũng đã tuyên xưng cùng một niềm tin cho dân Do thái (x. Cv 13:33; 17:3) và trước Thượng Hội Đồng Do thái (x. Cv 23:6). Philipê truyền bá Tin Mừng này cho viên thái giám Êtiôpia (x. Cv 8:35), còn Phaolô thì cho dân ngoại (x. Cv 17:31). Bất cứ ở đâu và vào thời nào, Giáo hội cũng như mọi Kitô hữu đều có bổn phận phải tuyên xưng niềm tin ấy, tức phải truyền bá Tin Mừng ấy.

Thần học nêu bật một số khía cạnh liên quan đến chân lý trên đây:

1) Chân lý chủ yếu là trước khi chết và sau khi sống lại, Đức Giêsu vẫn là một, hoặc nói cách khác, Đức Giêsu và Đức Kitô là một. Như 1Ga 1:1 viết: “Điều vẫn có ngay từ lúc khởi đầu, điều chúng tôi đã nghe, điều chúng tôi đã thấy tận mắt, điều chúng tôi đã chiêm ngưỡng, và tay chúng tôi đã chạm đến, đó là Lời sự sống,” Đức Giêsu Kitô. Cụ thể hơn, thánh Phêrô đã nói như sau với cộng đồng Do thái: “VẬY, toàn thể nhà Ítraen phải biết chắc điều này là: Đức Giêsu mà anh em đã treo trên thập giá, Thiên Chúa đã đặt Người làm Đức Chúa và làm Đấng Kitô” (Cv 2:36), vì “chính Đức Giêsu đó, Thiên Chúa đã làm cho sống lại; về điều này tất cả chúng tôi xin làm chứng” (Cv 2:32). Cốt tủy của sứ điệp Phục sinh là tính cách liên tục giữa ba giai đoạn: sống, chết và sống lại của Đức Giêsu (x. Cv 1:21-22). Nói cách khác, chính “con người

Giêsu Nadarét” hiện đang “đứng bên hữu Thiên Chúa” (Cv 7:55), chứ không phải là một nhân vật nào khác. Chính “người bạn” đã cùng ăn uống với các môn đồ mình ngày trước sẽ ngự đến trong vinh quang vào hồi cánh chung (x. Cv 1:11), chứ không phải là một người nào khác.

Giữa đức tin và lịch sử không có một “vực thăm” cách ngăn, bởi đã có một nhịp “cầu” nối kết là Đức Giêsu Kitô. Ý nghĩa sâu sắc của điểm này là lịch sử cụ thể và hèn mạt của chúng ta đã được cứu rỗi do một con người đã sống, đã chịu khổ và đã chết đi như bất cứ ai, nhưng đã sống lại một cách huyền diệu. Nếu Đức Giêsu ấy và Vị Cứu tinh này không phải là một, thì lịch sử loài người sẽ trở thành vô nghĩa, phi lý.

2) Sự sống lại là công trình của Thiên Chúa là nguồn mạch sự sống: Thiên Chúa hằng sống làm cho sống. Các tông đồ đã cảm nghiệm được và làm chứng rằng chính bàn tay Thiên Chúa đã can thiệp. Họ dùng công thức: “Thiên Chúa đã làm cho Ngài sống lại.” “Thiên Chúa” ở đây là Chúa Cha. Quả vậy, sự sống lại là mẫu gốc của những hành động can thiệp cứu độ của Thiên Chúa vào trong lịch sử. Tân Ước quy áp công trình phục sinh trước hết cho Thiên Chúa Cha, hay đúng hơn cho “Cha của Giêsu Kitô, Chúa chúng ta.”

— Trước tiên, sự sống lại là hành động giao lưu giữa Cha và Con, phát sinh từ nguồn cội sâu thẳm nhất là lòng tương ái: vì Cha yêu Con nên làm cho Con sống lại (x. Ga 10:17-18), và như vậy, chính thức công nhận Ngài là Con đích thật của Cha. Nhờ vâng phục tuyệt đối, Đức Giêsu đã lập nên công đức khiến Ngài đáng được thức dậy từ cõi chết: “Ngài lại còn hạ mình, vâng lời cho đến chết, thậm chí chết trên thập giá. Chính vì thế Thiên Chúa đã siêu tôn Ngài” (Pl 2:8-9). Thế mới hiểu tại sao sau này thánh Gioan coi cuộc tử nạn như là một cuộc giương cao, một cuộc tôn vinh (x. Ga 13:31-32; 17:5, v.v...). Ánh sáng phục sinh rực rỡ đến nỗi đã làm cho những vực thăm tăm tối nhất (của thống khổ) cũng bùng chói lên trong quang vinh.



— Trong cuộc phục sinh, Chúa Cha cũng được vinh quang. Qua hành động tạo dựng mới, Thiên Chúa tỏ lộ quyền năng của Người nhiều hơn và rõ hơn là qua công trình tạo dựng cũ (x. Ep 1:19-20). Việc Đức Giêsu phục sinh và việc biểu dương quyền năng của Chúa Cha đi đôi với nhau: “Nay Ngài đang sống nhờ quyền năng của Thiên Chúa” (2Cr 13:4; x. 1Cr 6:14; Mt 22:29). Mặt khác, Kinh Thánh nhận rằng sự sống lại là cuộc thắng lợi tiêu biểu nhất của khôn ngoan Thiên Chúa. Khôn ngoan xuất hiện ở trong những đường lối của Người, và đường lối ấy thì cao hơn đường lối loài người như trời cao hơn đất (x. Is 55:8-9), bởi: “Quyết định của Người ai dò cho thấu, đường lối của Người ai theo cho cùng!” (Rm 11:33). Ấy mà đường lối đặc thù bậc nhất của Thiên Chúa – theo thánh Phaolô – là thập giá và cuộc phục sinh của Đức Giêsu (x. 1Cr 1). Không một tạo vật nào có thể tưởng tượng được rằng Thiên Chúa đã biến điên rồ của thập giá thành khôn ngoan của Người, biến thất bại tuyệt đối ra thành công tuyệt đỉnh của kế hoạch Người; chính ở điểm này, vinh quang của Chúa Cha tỏ rạng rực rỡ cao độ nhất, hơn trong bất cứ gì khác.

Trong Đức Kitô phục sinh, Chúa Cha đã đặc biệt mạc khải chính mình. Do tự bản tính, Chúa Cha không tỏ lộ chính mình trừ phi qua Lời. Trong Cựu Ước, Lời Chúa Giavê chỉ nói bập bẹ qua các biến cố mập mờ của lịch sử Ítraen, hoặc qua các sám ngôn với ý nghĩa tiềm ẩn mà các tiên tri chuyển lại. Trong cuộc nhập thể, Lời ấy đã đến giữa chúng ta, đã trở nên giống hệt như chúng ta đến nỗi nhiều người đã ngộ nhận về Ngài, dù trên nguyên tắc, “ai thấy Ngài là thấy Cha” (Ga 14:9). Tuy nhiên, duy chỉ Đức Kitô phục sinh mới phản ánh hoàn hảo dung mạo Chúa Cha, Ngài là Lời rõ nhất của Cha, mà cả đến những kẻ ghét Ngài như Saolô, cũng không thể không nhìn nhận. Dung mạo ấy như thế nào? Trước hết, Thiên Chúa tỏ hiện như là Đấng trung thành: trong Đức Kitô, mọi lời hứa đều được ứng nghiệm. Dù trước Đức Kitô đã có những sự việc ứng nghiệm, nhưng các sự việc ấy làm cho lời hứa ứng nghiệm chỉ một phần nào, không bao giờ hoàn toàn đầy đủ. Khi Người làm cho Đức Giêsu từ cõi chết sống lại, thì lúc đó mới thấy



được Thiên Chúa là Đấng rất mực chung thủy, không bỏ sót điều gì. Tự hậu, con người có thể tin rằng Thiên Chúa hằng trung thành cho đến cùng (x. 1Cr 1:9; 10:13). Chính vì vậy, Thiên Chúa đã mạc khải chính mình như là Đấng làm cho niềm hy vọng của chúng ta thành hiện thực. Trong Đức Kitô phục sinh, Chúa Cha đã nói lên tiếng VANG đối với mọi lời Người hứa cũng như đối với mọi nhu cầu của con cái (x. 2Cr 1:18-22). Từ đây, nỗi sợ hãi trước sự chết không đánh bại nổi chúng ta, vì Thiên Chúa của ta có tên mới là “Đấng đã làm cho Đức Giêsu, Chúa chúng ta, từ cõi chết sống lại” (x. Rm 4:24; 8:11; 2Cr 4:14; Gl 1:1; Ep 1:20; Cl 2:12). Tương lai không còn phải là một ngõ cụt, nhưng rộng mở để dẫn đưa tới hy vọng.

3) Sự sống lại, trước hết, là kinh nghiệm của bản thân Đức Giêsu. Như vừa lưu ý trên đây, Tân Ước thường coi biến cố phục sinh như là công việc của Chúa Cha (“Thiên Chúa”): Người là tác nhân làm cho Đức Giêsu chỗi dậy; còn Đức Giêsu thì, tựa như người thụ động, chỉ đón nhận ơn phục sinh. Tuy nhiên, cũng có một số văn bản cho thấy Đức Kitô chủ động lấy quyền năng mình mà đứng lên như vị chiến thắng trên sự chết (x. Lc 24:7; Ga 2:19; 5:21; 20:9; 1Tx 4:14): “Mạng sống của tôi, không ai lấy đi được, nhưng chính tôi tự ý hy sinh mạng sống mình. Tôi có quyền hy sinh và có quyền lấy lại mạng sống ấy” (Ga 10:17-18). Sau này, công đồng Tôlêđô (năm 676) đã khẳng định rõ: “Ngày thứ ba, do bởi năng lực riêng của chính mình, Ngài đã sống lại và đứng dậy từ phần mộ” (DS 539). Đó là kết luận của thần học về việc nhập thể.

Việc phục sinh gây kết quả ở chính trong Đức Giêsu. Xét theo tư cách là con người, lần đầu tiên Đức Giêsu có được ý thức về mình một cách hoàn hảo, là lúc Ngài sống lại. Từ đó, nơi Ngài, xét theo nhân tính, khả năng ý thức về mình đạt tới mức viên mãn như Đấng tạo hóa đã dự định. Ngài thấy mình đúng y như mình hiện hữu. Bây giờ, Ngài bắt đầu có kinh nghiệm về việc thụ tạo được hiển vinh nhờ tử hệ; ý thức nhân tính của Ngài thấy mình như Con của Cha một cách mới. Ngài thấy mình là hình ảnh hoàn hảo của

Cha, dù vẫn là một tạo vật. Dĩ nhiên, ý thức đang bàn đến ở đây là ý thức thụ tạo, chứ ý thức phi tạo, thần linh của Con, của Cha và của Thánh thần chỉ là một.

Vì thế, sự sống lại đã đưa Đức Giêsu đạt tới mức hoàn hảo của con người mình. Như bất cứ con người nào, Đức Giêsu cũng cần phải triển phát, tiến dần lên để đạt tới mức toàn thiện, chứ không phải sinh ra là hoàn hảo ngay. Thụ Do thái cho biết rằng chỉ sau khi hiển dương chính mình trên thập giá và sống lại, “người Con mới nên thập toàn cho đến muôn đời” (Dt 7:28). Trờ nên “thập toàn” là một quá trình kéo dài suốt cuộc đời và chỉ hoàn tất trong cuộc khổ nạn, rồi hoàn thành trong ơn được nâng lên (x. Dt 2:10; 5:9).

Mức hoàn hảo, tình trạng thập toàn ấy là gì? Về mặt nhân tính, Đức Giêsu hiện đang thụ dụng toàn bộ những khả năng đã sung mãn thành tựu của mình: trong cả xác lẫn hồn; Ngài không còn có thể “trờ nên” bởi đã “thực sự là.” Sau khi sống lại, Đức Kitô hiện thực hóa chiều kích hoàn vũ, nghĩa là Ngài đang thông hiệp với toàn thể tạo vật trong tư cách là Đầu (x. Cl 1:15-20; 2:10; Ep 1:20-21). Trong cuộc đời dương thế, với thân xác vật chất – rất bất toàn, bị giới hạn trong không và thời gian – làm công cụ giao tiếp với tạo vật chung quanh, nhân tính của Ngài chỉ có được “thiên năng siêu nghiệm” (*transcendental disposition*) nhìn về các sự vật; còn bây giờ thì thực sự Ngài có khả năng thấu đạt mọi sự.

Tình trạng hoàn hảo ấy được hiện thực trong đời sống mới (x. Rm 6:9-10). Đời sống mới này không phải là cuộc tái hiện của đời sống cũ, như trong trường hợp của Ladarô chẳng hạn; cũng chẳng phải là một cuộc canh tân, làm cho đời sống ấy tốt hơn, phong phú hơn, trường thọ đến vô tận và không còn phải chịu khổ đau v.v... Người Do thái đã hình dung ra thế giới của Đấng Thiên sai tương tự như thế, giống như một cõi địa đàng. Không: đời sống phục sinh thuộc về một “loại” khác hẳn, không quan niệm ra nổi với những phạm trù loài người hạn hẹp; đó là điều xảy ra khi sự sống thần linh tác động đến con người. Thánh Phaolô gọi đó là sự sống nhờ Thần Khí (x. 1Cr 15:35tt).



Đối với các nhân chứng, nét tuyệt vời nhất của Đấng Phục sinh là thân thể mới của Ngài. Các tài liệu của Tân Ước nêu rõ sự việc không những Đức Giêsu vẫn là một, mà còn sống lại với chính thể xác của Ngài: thân thể phục sinh là thể xác đã bị đóng đinh. Các tác giả đã ghi lại chi tiết này khi đề cập đến các thương tích (x. Ga 20:27; Kh 5:6). Lý do là vì nếu thân xác trước và sau không phải là một, thì con người cũng không phải là một; thân xác Đức Kitô sống lại đảm bảo cho sự kiện Đấng Phục sinh chính là Đức Giêsu Nadarét.

Vì đã sống lại trong thể xác, nên Đức Kitô mãi mãi hiện hữu trong thể xác, nghĩa là không bao giờ cuộc nhập thể chấm dứt. Nhiều lần, điểm giáo lý này đã bị hiểu lầm và phủ nhận, khiến Giáo hội cảm thấy cần phải xác định rõ qua nhiều văn kiện (x. DS 681, 791, 801, v.v...). Trong Tân Ước (x. 1Cr 15), thánh Phaolô đã minh nhiên trình bày giáo lý về thể xác phục sinh. Thần học nêu rõ là nếu Đức Kitô không sống lại trong thể xác, thì con người sẽ không được cứu chuộc hoàn toàn; bởi không có thể xác thì không phải là con người. Tuy nhiên, thể xác mới ấy khác hẳn với tình trạng của thể xác cũ, tựa như hoa so với hạt. Kể ra thì không thể biện luận suy lý quá nhiều về chủ đề này: bởi đâu có phải và tìm đâu có được một “nhân chủng học phục sinh”? Dù vậy, thần học nhận ra rằng trong cuộc hiện hữu mới ấy, không còn có tình trạng “mâu thuẫn” giữa trí tuệ và xác thể, giữa lý tưởng và thực tại, giữa vị kỷ và vị tha, v.v..., vì thể xác phục sinh không còn phải là “thân xác tội lỗi” hiện nay (x. Rm 6:6; 8:3; v.v...), thân xác thường gây trở ngại cản ngăn mối hiệp thông với Thiên Chúa và tha nhân (x. Rm 7:15-24). Trái lại, theo kế hoạch của Đấng Tạo hóa, thể xác là phương tiện để thực hiện mối hiệp thông đó, hầu sống an hòa với chính mình và hòa thuận với mọi người, mọi sự. Bí tích Thánh Thể tiêu biểu cho khả năng mới này.

Qua biến cố sống lại, Đức Kitô đã bước vào giai đoạn sống thân phận chung quyết vĩnh cửu của Ngài. Mục tiêu đã đạt, Ngài hiện đang làm nhiệm vụ Chúa Cha ủy thác. Giáo hội gọi nhiệm vụ



này bằng nhiều danh xưng, và cố miêu trình những khía cạnh khác nhau của “vai trò” ấy. Vì Ngài là “cho chúng ta,” nên Ngài được gọi là Vị Ngôn sứ chúng từ Môsê tiên báo (x. Cv 3:22; 7:37); Ngài là Tội Trung của Thiên Chúa như Isaia đã miêu trình (x. Cv 3: 13.26; 4:25.27.30); các tông đồ gọi Ngài là Thủ lãnh, Vị Lãnh đạo dẫn đưa tới nguồn ơn cứu độ (x. Cv 5:31; Dt 2:10; 12: 2), Đấng khơi nguồn sự sống (x. Cv 3:15). Còn xét về chính bản thân Ngài, Đức Giêsu là Đấng Công chính (x. Cv 3:14; 7:52), Đấng Thánh (x. Cv 3:14; Mc 1:24; Ga 6:69), là Đấng Kitô (xức dầu) (x. 1Cr 15:3; Cv 2:36; 4:26; 10:38; v.v.). Và còn không biết bao nhiêu tước hiệu khác nữa, như Con Người (x. Cv 7:34), Con Thiên Chúa (x. Cv 8: 37), v.v... rốt cuộc là Chúa (x. 1Cr 16:22; Kh 22:20; Pl 2:11, v.v...); không có tước hiệu nào cao cả hơn danh tước này. Suy về thân phận ấy, Giáo hội sẽ ý thức ra là các tước hiệu dù có khác nhau, nhưng cũng chỉ là một ở trong Ngài, và vinh quang mới này thực ra Ngài đã thủ đắc từ muôn thuở, chỉ khác là bây giờ có thêm một cơ sở, một căn cứ mới là: công đức (x. Pl 2:6-11).

4) Sự sống lại là công trình đặc biệt của Thần Khí. Như Thần Khí đã làm cho Ngôi Hai trở nên con người (x. Lc 1:35; Mt 1:18), thì trong kế hoạch cứu độ, Thần Khí cũng đã làm cho Đức Giêsu “trở nên” Con Thiên Chúa một cách trọn vẹn qua việc sống lại (x. Rm 1:4). Kế hoạch “Ba Ngôi cứu độ” (*economic Trinity*) dành tác động cuối cùng cho Ngôi Ba. Thần Khí là “Đấng Hoàn Tất,” là “Đấng Đóng Ấn” công trình của Thiên Chúa (x. Ep 1:13), là Đấng xức dầu cho Đức Kitô để Ngài có thể thực hiện sứ mạng trao phó (x. Lc 4:18), và mạc khải Ngài ra cho thế gian (x. Mc 1:16tt); Phúc Âm cho thấy là Thánh Thần chi phối toàn bộ công cuộc của Đức Giêsu (x. Mc 1:12; Mt 12:18.28; Lc 10:21). Vì thế, Thần Khí cũng phải là Đấng làm cho mẫu nhiệm nhập thể thành tựu trọn vẹn với biến cố phục sinh.

Đối chiếu cuộc đời hay chết của Đức Giêsu với cuộc hiện hữu bất tử hậu phục sinh, Tân Ước gọi Ngài trong giai đoạn đầu là Đức Giêsu theo xác thể, còn trong giai đoạn sau là Đức Kitô theo Thần

Khí (x. Rm 1:3-4); hoặc như thư thứ nhất của thánh Phêrô viết: “Ngài bị giết trong thân xác, nhưng nhờ Thần Khí, Ngài đã được phục sinh” (1Pr 3:18). Với biến cố sống lại, Ngôi Cha đã nhận thêm một danh hiệu mới, thì cũng thế, Thánh Thần được gọi là “Thần Khí tác sinh” (x. Ga 6:63; 1Cr 15:45; 2Cr 3:6). Nhờ Thần Khí, Chúa Cha biến những kẻ đã chết vì tội lỗi, thành người sống: “Nếu Thần Khí của Đấng đã làm cho Đức Giêsu sống lại từ cõi chết ngự trong anh em, thì Đấng đã làm cho Đức Giêsu sống lại từ cõi chết cũng sẽ dùng Thần Khí của Người đang ngự trong anh em, mà làm cho thân xác anh em được sự sống mới” (Rm 8:11). Như vậy, qua nhân tính Đức Kitô phục sinh, Thần Khí đã thâm nhập vào trong vũ trụ, khai mở thời đại mới, và khởi động cuộc “thần hóa” toàn bộ tạo vật.

### *Chiều kích cứu độ*

Nếu hết mọi sự trong Đức Kitô đều là “vì loài người chúng ta và để cứu rỗi chúng ta,” thì trong tất cả mọi sự ấy mầu nhiệm Phục sinh đứng ở chỗ trọng yếu số một. Thần học và phụng vụ thường nêu cao công đức của Đức Giêsu trên thập giá; tuy nhiên, tự nó, sự chết và hơn nữa, cuộc tử nạn, chẳng làm cho ai sống hoặc sống lại được cả. Để làm sáng tỏ điểm này, thánh Phaolô viết: “Đức Giêsu chính là Đấng đã bị trao nộp vì tội lỗi chúng ta và đã được Thiên Chúa làm cho sống lại để chúng ta được nên công chính” (Rm 4:8). Nguyên tắc căn bản đã được trình bày ở trong Thư gửi tín hữu Do thái: “Khi chính bản thân đã tới mức thập toàn – qua biến cố sống lại – Người đã trở nên nguồn ơn cứu độ vĩnh cửu cho tất cả những ai từng phục Người” (Dt 5:9). Vì vậy, thần học gọi sự sống lại là nguyên nhân của việc công chính hóa, tức là của việc ban ơn cứu rỗi. Sau đây, xin nêu lên một số khía cạnh của ơn cứu độ, với những chiều kích khác nhau: cá nhân, xã hội, vũ trụ.

1) Với biến cố Đức Kitô sống lại, thời đại cuối cùng bắt đầu: Đấng Phục sinh khởi đầu thời kỳ cánh chung, khai trương những thực tại chung quyết của lịch sử loài người (x. LG 48). Những biến



cổ mà các ngôn sứ tiên báo cho “những ngày cuối cùng,” đã thực sự ứng nghiệm khi Thần Khí của Đức Kitô được tuôn đổ xuống (x. Cv 2:16tt). Những chờ mong của các thánh (x. Tv 51:9t chẳng hạn) đã lộ hiện ở nơi Đấng Phục sinh và các tín hữu của Ngài. Biến cố sống lại khai mở thời kỳ mới, tức là “thời đại của giáo hội,” thời đại sẽ kéo dài “cho tới khi Chúa lại đến.”

Khi Đức Giêsu trút linh hồn, bức màn Đền thờ bị xé ra (x. Mt 27:50-51), tượng trưng cho điểm kết thúc của một thời đại. Tiếp đến, thi hài Đức Giêsu được mai táng trong một ngôi mộ mới (x. Mt 27:60; Ga 19:41), bởi vì “thời phục hồi vạn vật” (x. Cv 3:21; LG 48) đã bắt đầu.

Đức Giêsu đã thực hiện lời hứa trong Cựu Ước. Chính Ngài đã rao giảng: “Thời kỳ đã mãn, và Triều đại Thiên Chúa đã đến gần” (Mc 1: 15). Được thụ thai và sinh ra cách “mới lạ,” Đức Giêsu rao giảng một sứ điệp, một “giáo lý” mà ngay cả đến dân chúng cũng nhận ra là “mới mẻ” (Mc 1:27), mới đến độ sẽ làm cho những cơ cấu xã hội và tôn giáo cũ phải nổ tung như bầu da cũ căng đầy rượu mới (x. Mt 9:17). Đức Giêsu tuyên bố một lề luật mới (x. Ga 13: 34) và sáng lập một Giao ước mới bằng máu Ngài (x. Lc 22:20; 1Cr 11:25), Giao ước được phê chuẩn chung quyết khi Ngài sống lại và tiến vào cung thánh trên trời (x. Dt 8:1-13).

Biến cố đặc thù của “thời cuối cùng” là sự việc kẻ chết sống lại; và biến cố ấy đã bắt đầu nơi Đức Kitô. Vì thế, Đức Kitô sống lại được ví như là “của đầu mùa,” tức như là trường hợp đầu tiên của số phận chung, “mở đường cho những ai đã an giấc ngàn thu” (1Cr 15:20; x. Rm 8:29) – dù Ngài hẳn là trường hợp đặc biệt duy nhất. Do đó, không nên quan niệm Đức Kitô phục sinh như là một trường hợp cô lập, song như là một biến cố có quan hệ liên đới và hiệp thông chặt chẽ với toàn thể nhân loại.

Vương quốc hoặc vương quyền của Thiên Chúa là cục diện của thời kỳ cuối cùng; chính Đức Giêsu đã rao giảng như vậy. Sau Phục sinh, các môn đồ ý thức ra rằng cục diện ấy đã thể hiện nơi



Đức Kitô: chính bản thân Ngài là vương quyền ấy. Do đó, có một sự đổi mới lạ lùng này là: trước kia, Đức Giêsu rao giảng về Nước Thiên Chúa; còn bây giờ, các tông đồ rao giảng về Đức Kitô. Bây giờ “vương quyền” là quyền toàn năng của Đức Kitô (x. Mt 28); với quyền năng ấy Đức Kitô đã phái gửi các tông đồ đi khắp thế giới để làm cho muôn dân trở thành môn đồ của Ngài. Nơi Ngài, Thần Khí Thiên Chúa cư ngụ, Ngài được thần hóa, v.v..., và trong Ngài, Thiên Chúa đưa chúng ta “vào vương quốc của Thánh Tử chí ái” (x. Cl 1:13).

2) Sự Sống lại bắt đầu đổi mới mọi sự. Phục sinh quả là một cuộc đổi mới toàn diện, đổi mới không những Đức Kitô mà còn tất cả các tạo vật. Cách chung, khi nói đến cái “cũ” là Tân Ước có ý hiểu theo nghĩa không mấy tốt đẹp; còn khi nói đến cái “mới” là muốn hiểu đó là kết quả của tác động Thiên Chúa, đặc biệt là hậu quả của ảnh hưởng do mầu nhiệm Đức Kitô trong lịch sử mang lại. Hết thảy những gì mới mẻ do cuộc phục sinh đưa đến rồi cuộc điều quy tụ về một điểm duy nhất là bản thân Đức Giêsu. Ngài là con người mới, là Adam mới, là trưởng tử của nhân loại mới, của tạo vật mới, v.v... (x. 1Cr 15:22t.44-49; Cl 1:15t). Adam mới, Đức Kitô là “người Cha muôn thuở” (Is 9:5), tổ tiên của một “chủng tộc” mới là Dân Kitô. Ngài làm cho những kẻ bị chia rẽ trở nên một nhờ sự sống mới (x. Ep 2:14t), khuyến khích mọi người lột bỏ hành vi cũ (tội lỗi) để mặc lấy “nhân tính mới” ngõ hầu sống một đời sống mới trong “công chính và thánh thiện của sự thật” (Ep 4:22-24). Đời sống đạo đức bây giờ căn cứ vào niềm vững tin này là “phàm ai ở trong Đức Kitô đều là thọ tạo mới; cái cũ đã qua, và cái mới đã có đây rồi” (2Cr 5:17; Gl 6:15). Con người mới này sinh ra “bởi nước và Thần Khí” (x. Ga 3:5; Tt 3,5), và dần thân vào một tiến trình liên tục để nhờ đó “con người bên trong ngày càng đổi mới” (2Cr 4:16); bởi vì, khi làm thế là người Kitô tiến dần lên, chuẩn bị cho “Trời mới và Đất mới, nơi công lý ngự trị” (2Pt 3:13). Để đưa đến tới đích, thân xác phục sinh của Đức Kitô đã trở nên “con đường mới và sống động” (Dt 10,19t), trực chỉ về Giêrusalem mới (x. Kh 3:12; 21:2); khi ấy, sứ mệnh của Đức Kitô hoàn tất và Chúa

Cha sẽ có thể phán: “Này đây Ta đổi mới mọi sự” (Kh 21:5).

3) Đấng Phục sinh là con người phổ quát, là một người cho tất cả. Ngài là Trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người (x. 1Tm 2:5). Vai trò của Ngài đối với mọi người như thế chỉ hiểu được sau biến cố phục sinh, khi Ngài không còn bị giới hạn bởi thời gian và không gian. Vì hằng sống, Ngài nắm giữ trong tay chìa khóa của vận mạng loài người (x. Kh 1:18), nắm giữ mọi quyền năng (x. Mt 28:18), và hằng đứng bên hữu Thiên Chúa (x. Cv 7:55) “hằng sống để chuyển cầu cho chúng ta” (Dt 7:25). Chức năng này là tác vụ tư tế; nhưng vì không còn chết nữa, nên Ngài là thượng tế duy nhất và đời đời (x. Dt 5:6; 7:17), và với lễ tế duy nhất, Ngài “xóa bỏ tội muôn người” (Dt 9:28).

Nhiệm vụ trung gian này bao gồm hết mọi người, dù họ có biết hay không biết. Vì tất cả đều do Ngài và cho Ngài mà được dựng nên, và đều tồn tại trong Ngài (x. Cl 1:15-17), cho nên tất cả đều mang nơi mình một “hiện sinh thể Kitô-tính” (*Christic existential*), nghĩa là mang ấn dấu của ơn cứu độ, hướng chiều về với Chúa Kitô, và nếu biết mở lòng ra đón nhận ơn Chúa – dù chỉ là một cách hàm ẩn hay mặc nhiên – thì đều được Ngài cứu rỗi.

4) Cái mới tốt bậc trong chế độ mới là Thánh Thể. Sự việc Thiên Chúa hiện diện ở giữa dân Người như đã hứa qua lời ngôn sứ (x. Ed 38:26-28), bây giờ đã thành hiện thực cụ thể trong “bí tích đức tin.” Có được hoàn tất với biến cố Phục sinh, thì mầu nhiệm Nhập thể mới thực sự thể hiện được sự hiện diện cụ thể ấy. Bữa tiệc Thánh Thể chuẩn bị cho bữa tiệc cánh chung (x. Mt 26:29), không chỉ bằng cách bổ sức sự sống siêu nhiên, là mầm giống của đời sống vĩnh cửu, mà còn qua việc nuôi dưỡng niềm hy vọng của dân Kitô “cho tới khi Chúa lại đến.” Thân thể phục sinh làm cho Đức Kitô có khả năng đạt tới mọi nơi, phục vụ mọi anh em. Rước Thánh Thể là hiệp thông với Con Người phổ quát ấy, khiến chúng ta vượt ra ngoài giới hạn của thân phận cá nhân riêng lẻ để trở thành một thân mình phổ quát, là Hội thánh.



Cử hành Thánh Lễ là thể hiện một biến cố cánh chung: Thần linh hiệp nhất với tạo vật, vật chất (bánh, rượu) được đổi thành thân mình Đấng Phục sinh, trong mẫu nhiệm biến đổi bản thể kỳ diệu. Qua nghi thức Thánh Thể, mẫu nhiệm Phục sinh lại tái hiện giữa cộng đoàn, trong khi chờ ngày hoàn tất hồi Quang lâm. Trong Thánh Lễ, Dân Chúa tuyên xưng lòng cậy trông, cậy trông không chỉ cho các tín hữu mà còn cho cả muôn vật (x. Rm 8:19tt). Trên bàn thánh, Đức Kitô chia sẻ bánh ăn và chính thân mình mình, mời anh chị em cùng chia sẻ với nhau, khiến cộng đoàn Thánh Thể trở thành một cộng đồng thật sự huynh đệ (x. 1Cr 11:17tt). Cộng đoàn mới này tượng trưng cho xã hội mới theo dự án của Thiên Chúa.

5) Sự sống lại cho thấy rõ thân xác loài người quả đã được cứu chuộc. Bây giờ, hy vọng mới bùng lên cho thể xác: nó không đơn thuần là một thứ ấu trùng có thể bị bỏ xó sau khi sinh nở sự sống mới, nhưng là một thành phần của bản vị được cứu rỗi. Bởi nơi Đức Kitô, thể xác đã được thần hóa; trong Ngài, mọi thể xác đều được kêu gọi để trở nên giống như thế. Hơn nữa, “thể xác thần thiêng” của Đức Kitô (x. 1Cr 15:44) hiện đang đổi mới thân xác của các chi thể Ngài, đặc biệt là qua Thánh Thể (x. 1Cr 6:15-20). Chính vì thế, thánh Inhã Antiokia gọi Thánh Thể là “thuốc trường sinh.”

Nhiều nền văn hóa đã tỏ ra thái độ khinh bỉ đối với xác thể; nhờ Đức Giêsu phục sinh, chúng ta mới nhận ra rõ giá trị quý báu của thân xác. Trong truyền thống Kitô, xác thể được quý trọng không những vì niềm hy vọng sống lại, mà nhất là vì nó được kết liên với Đấng Phục sinh, như là chi thể của Nhiệm thể. Ngoài ra, Thần Khí của Chúa cũng đang linh hoạt hóa các tín hữu đến độ thể xác trở thành đền Chúa Thánh Thần (x. 1Cr 3:16.17; 6:9, v.v...). Do đó, tội lỗi phạm đến thể xác là phạm đến Đấng Phục sinh và Thần Khí Ngài (x. 1Cr 6:15-19; Rm 8:5-13). Tự nó, xác thể vẫn hướng chiều theo đảng xấu (x. Rm 7:21-25), nhưng nhờ ơn của Đấng Phục sinh, xác thể không còn gây trở ngại, song đã trở thành khí cụ phục vụ vinh quang Thiên Chúa (x. Rm 6:12-14; 1Cr 6:20; Pl 1:20), cả về



phương diện sinh lý, bởi xác thể là mầm giống của một tương lai phục sinh: như phẩm chất của hạt giống tiên định phẩm chất của cây và trái, thì cũng thế, mức độ “kitô hóa” của sinh hoạt thể xác sẽ ảnh hưởng sâu đậm đến mức vinh quang cánh chung.

6) Chiều kích vũ trụ của sự sống lại.— Thực vậy, sự việc Đức Kitô sống lại có quan hệ chặt chẽ với muôn loài muôn vật trong vũ trụ. Mt 28:2 làm chứng cho điều đó khi trình thuật về cuộc động đất và các ngôi mộ mở ra lúc Đức Giêsu trút hơi thở cuối cùng trên thập giá: thiên nhiên làm như “cảm thấy” có một nhân tố mới đã thâm nhập vào phạm vi của mình. Nhân tố này chi phối hướng đi của cuộc biến hóa, mà bây giờ mới được “biết” là có mục tiêu và được hoàn tất trong Đức Kitô. Bây giờ mọi sự đều mong ngóng ngày Quang lâm, như thể đã tìm thấy được một cứu cánh tính mới. Vũ trụ sẽ chắc chắn đạt tới mục đích ấy. Hiện nay giai đoạn chuẩn bị đã bắt đầu với nhiệm vụ của chúng ta là cải thiện mọi sự (làm cho cơ cấu xã hội ra công bằng, các cá nhân nên công chính, hoàn cảnh thành tốt đẹp hơn, v.v... x. LG 48). Nơi Đức Kitô phục sinh, những yếu tố của vũ trụ đã được vinh hóa: vật chất, tinh thần, mạng sống và lịch sử loài người. Khi nhập thể, Ngôi Hai đã chấp nhận sống liên đới với mọi tạo vật; khi sống lại, Ngài đã đón nhận quyền toàn năng trên vũ trụ đúng như Kinh Thánh muốn nói lên qua tước hiệu “Chúa” (x. Pl 2:10-11). Để cho thấy Ngài làm Chúa của vũ trụ, Kinh Thánh đã giới thiệu Đức Kitô như là Đầu (Thủ lĩnh) của mọi sự trên trời dưới đất (x. Ep 1:10), như là nguyên lý và cùng đích của muôn loài muôn vật (x. Cl 1:15-17), và như là trung gian sáng tạo (x. Ga 1:1t, Dt 1:2). Ngài là uyên nguyên của mọi năng lượng hoạt động trong vũ trụ (x. Ep 1:20-22), làm cho mọi sự tràn đầy với sức năng hiện diện cứu độ của Thiên Chúa (x. Ep 4:10; Cl 1:19). Thế nên, bao lâu mục đích ấy chưa đạt được, thì muôn vật vẫn làm như còn “bất toàn,” còn đang “rên siết và quản quai như sắp sinh nở, những ngong ngóng đợi chờ ngày Thiên Chúa mạc khải vinh quang của con cái Người” (Rm 8:19-22).

## LÊN TRỜI, NGỰ BÊN HỮU ĐỨC CHÚA CHA PHÉP TẮC VÔ CÙNG

Như trước kia Kinh Tin Kính tuyên xưng: Ngài “xuống thế” để bắt đầu sứ mệnh, thì bây giờ nói Ngài “lên trời”, nghĩa là đã hoàn tất sứ mệnh ấy. Trước là Thiên Chúa xuống (hạ mình), bây giờ Con Người lên (được tôn vinh). Mẫu nhiệm “lên trời” được tuyên xưng cùng với mẫu nhiệm “ngự bên hữu Đức Chúa Cha” ở trong Kinh Tin Kính; thật ra, cả hai chỉ là một. Hình ảnh “lên trời” là một ẩn dụ được dùng để nói lên một số những kết quả của biến cố phục sinh. Tân Ước dùng nhiều thành ngữ để diễn đạt sự kiện này: “được nâng lên” (Ga 12:13.34; Cv 2:33; Pl 2:9), “được vinh quang hóa” (Ga 7:39; 17:1), “đi vào trong vinh quang của Ngài” (Lc 24:26), “đi lên với Cha” (Ga 20:17), “được rước lên trời và ngự bên hữu Thiên Chúa” (Mc 19:19), “băng qua các tầng trời” (Dt 4:14), v.v. Ý nghĩa đơn thuần là Đức Kitô đã hoàn tất sứ mệnh: “Thầy từ Chúa Cha mà ra và đến thế gian; Thầy lại bỏ thế gian mà đi với Cha” (Ga 16:28). Thánh Luca nói biến cố đó đã xảy ra “40 ngày” sau Phục sinh (Cv 1:3); Luca có ý ám chỉ đến khoảng thời gian dài đủ để hoàn tất nhiệm vụ, như trong trường hợp của Môsê và Êlia: các cuộc hiện ra đã kết thúc, thời đại của Giáo hội bắt đầu. Như Môsê phải từ trần để Giôsuê nhận được Thần Khí (x. Đnl 34:9), như Êlia phải lên trời để Êlisha được thông phần vào Thần Khí thầy mình, nếu nhìn thấy thầy lên trời (x. 2V 2:9-13), thì cũng thế, Đức Giêsu phải ra đi (x. Ga 16:7) và các môn đồ ‘phải’ nhìn thấy Ngài tiến vào trong đám mây (x. Cv 1:9-10) – làm biểu trưng – để nhận được Thần Khí của Ngài. Hơn nữa, trong trình thuật về sự việc “lên trời,” tựa như trên núi Tabô (x. Lc 9:30) và bên cạnh ngôi mộ trống (x. Lc 24:4), Luca đã kể về sự có mặt của “hai người” (Cv 1:10), chắc hẳn là để làm chứng cho lời hứa: Đức Kitô đã ra đi khuất vắng, nhưng lời Ngài vẫn mãi kiên trung tồn tại. Bây giờ các tông đồ được “thấy Con Người lên nơi đã ở trước kia” (Ga 6:62).

Giáo hội không ngừng tuyên xưng đức tin vào mẫu nhiệm này trong Kinh Tin Kính (x. DS 11, 30, 72, 150, v.v...), và từ thế kỷ 4,



phụng vụ kitô đã dành một ngày lễ để mừng kính. Các Giáo phụ giải thích về Thăng thiên theo nhiều cách khác nhau: hoặc như là buổi hoàn tất của mầu nhiệm nhập thể, hoặc như là sự việc phẩm giá loài người đã đạt đến tột đỉnh, hoặc để chống lại ngộ giáo: xác thể loài người được hưởng vinh quang bên cạnh Thiên Chúa!

Còn thần học cận đại thì nêu bật những khía cạnh sau đây: 1) “Lên trời” không mang ý nghĩa không gian, như thể “trời” phải ở trên cao, song là ý nghĩa thần học. 2) “Lên trời” chỉ về sự thay đổi của thân phận Đức Kitô, trải qua từ tình trạng hèn mọn – “theo xác thịt” – “ở dưới đây,” bước sang tình trạng hiển vinh – “theo Thần Khí” – “ở trên kia.” Nói cách khác, Đức Kitô tham dự vào đời sống của Thiên Chúa. 3) “Lên trời” không có nghĩa Đức Kitô tách xa khỏi Giáo hội và lịch sử loài người, nhưng bây giờ Ngài chỉ có mặt cách vô hình qua Thần Khí Ngài ban, và không còn bị cầm cố tại một chỗ. 4) Đối với các tín hữu, tín điều soi sáng cho thấy rõ giá trị của thân xác và càng làm cho kiên vững niềm hy vọng sẽ được cứu rỗi toàn diện. Đối với chỗ đứng của vũ trụ trong kế hoạch của Thiên Chúa, tín điều giúp cho xác tín thêm rằng “các tầng trời” là ngai của Đức Kitô, và thiên nhiên có vai trò chỉ cho con người đường lên cùng Chúa. Đối với Giáo hội, tín điều mang lại một đảm bảo mới cho lời cầu “nhờ Đức Giêsu Kitô...,” bởi cho biết rõ rằng Đầu của Hội Thánh đang ngự bên hữu Thiên Chúa và đang cầu bầu cho thân mình của mình.

*Ngồi* bên hữu là ẩn dụ ám chỉ đến Đức Kitô chia sẻ quyền Thiên Chúa, ngang hàng với Thiên Chúa, tức là Thiên Chúa. Trước Hội đồng Do thái, Đức Giêsu đã tuyên xưng: “Các ông sẽ thấy Con Người ngự bên hữu Đấng Toàn Năng và ngự giá mây trời mà đến” (Mt 26:64). Sau này các tông đồ loan báo sự kiện này, chẳng hạn Phêrô (x. 1Pr 3:21-22), Phaolô (x. Rm 8:34) hoặc Thư Do thái (12: 2), v.v.; các vị còn trong Tv 110, là bản văn Cựu Ước được Tân Ước trích dẫn nhiều nhất.

Đức Kitô cũng được trình tả: *đứng* như Đấng trung gian. Têphanô đã “thấy Đức Giêsu đứng bên hữu Thiên Chúa” (Cv



7:55-56). Khải huyền nói: “Con Chiên đứng ở giữa ngai [của Thiên Chúa]... trông như thể đã bị giết...” (5:6). Đó là phong thái của vị tư tế... đã dâng lễ tế duy nhất để đền tội cho nhân loại (x. Dt 10:11-12). “Như đã bị giết,” tức còn giữ lại các dấu tích thương khó, “để can thiệp cho chúng ta, Ngài hằng dâng lên Chúa Cha cái chết Ngài đã chịu vì chúng ta” (thánh Tôma). Đứng trước Thiên Chúa, sống động, bởi “phẩm vị tư tế của Ngài tồn tại mãi mãi; do đó, Ngài có thể đem ơn cứu độ vĩnh viễn cho những ai nhờ Ngài mà tiến lại gần Thiên Chúa. Thật vậy, Ngài hằng sống để chuyển cầu cho họ” (Dt 7:25).

Đức Kitô là Chúa tể càn khôn (x. Ep 1:20-23): Ngài đã rộng mở biên giới quê hương Ngài cho chúng ta; và bây giờ chúng ta biết rõ mục đích phải nhắm tới trong cuộc đời là “cố gắng tiến vào chốn yên nghỉ ấy” (Dt 4:10-11; x. Pl 3:20). Thánh Phaolô khuyên: “Anh em đã được chỗi dậy cùng với Đức Kitô, nên hãy tìm kiếm những gì thuộc thượng giới, nơi Đức Kitô đang ngự bên hữu Thiên Chúa. Anh em hãy hướng lòng trí về những gì thuộc thượng giới, chứ đừng chú tâm vào những gì thuộc hạ giới” (Cl 3:1-2). Thời đại của Giáo hội là thời gian chu toàn sứ mạng đối với lệnh truyền trọng đại của Thầy mình cho tới khi Ngài trở lại, vì “Đấng vừa lia bỏ [cõi thế này] và được rước lên trời, cũng sẽ ngự đến y như quý vị đã thấy Người lên trời” (Cv 1:11).

## **NGÀY SAU BỜ TRỜI LẠI XUỐNG PHÁN XÉT KỂ SỐNG VÀ KỂ CHẾT.**

### **QUANG LÂM**

Như vừa thấy trên đây, liên hệ với các mẫu nhiệm Phục sinh và Thăng thiên là mẫu nhiệm Quang lâm. Danh từ Hy Lạp *parousia* có nghĩa là “có mặt,” hay “đi đến” như đọc thấy chẳng hạn trong 1Cr 16:17, Pl 1:26, v.v... Nhưng đặc biệt từ này ngầm chỉ tới cuộc ngự đến của Đức Kitô vào hồi thế mạt.

Chủ đề này được Cựu Ước miêu tả qua hình ảnh “ngày của Đức Chúa,” tức của Giavê (x. chẳng hạn: Am 4:18; Xp 1:14; Is 2:12-22); và một cách tương tự, cũng được Tân Ước giới thiệu như là “ngày của Chúa,” tức của Đức Kitô (x. 1Tx 5:2), hoặc đơn thuần như là “Ngày” (1Cr 3:13). Biến cố ấy được gọi là Quang lâm (*parousia*) như đọc thấy trong 1Tx 2:19; 1Cr 15:23; v.v..., hoặc là Xuất hiện (*epipháneia*) như đọc thấy trong 1Tm 6:14; Tt 2:13; v.v... Ý là: niềm tin, hay đúng hơn, niềm trông chờ của dân kitô đợi trông “Chúa lại đến.” Thế hệ kitô đầu tiên hy vọng là Chúa sẽ sớm trở lại (x. 1Tx 4:14; Kh 22:20), dù Đức Giêsu không nói rõ về ngày tháng (x. Mt 24:36). Và bởi “ngày” chờ mong xem ra còn xa, nên nhiều người đã không còn nuôi hy vọng như thế. Do vậy, Thư thứ hai của thánh Phêrô đã phải lên tiếng giải thích: qua thời gian kéo dài, Chúa ban cho mọi người cơ hội để cải thiện (x. 2Pr 3:8).

Giáo hội tuyên tin: “Ngài sẽ trở lại trong vinh quang, để phán xét kẻ sống và kẻ chết,” và cử hành Thánh Lễ “cho tới khi Chúa lại đến.” Niềm tin là “Tin Mừng” khiến dân Chúa ngong ngóng trông chờ ngày ấy và cầu xin: *Maranatha!* (bằng tiếng Aram) “Xin Chúa hãy đến!”, “Xin cho Nước Cha trị đến,” v.v... Trong Kinh Thánh cũng như trong truyền thống của Giáo hội, có một số dấu hiệu báo trước, thường được coi như để cho thấy ngày ấy đã gần kề; thí dụ: trước khi Chúa trở lại, Phúc âm phải được rao giảng trong khắp thế giới (x. Mt 24:14; Mc 13:10), dân Do thái sẽ trở lại (x. Rm 11:25tt), nhiều tín hữu sẽ chối bỏ đức tin và tên Phán Kitô sẽ xuất hiện (x. 2Tx 2:8-11), nhiều thiên tai và nhiều cuộc bách hại sẽ xảy ra (x. Mt 24:29). Bởi được miêu tả theo văn thể “khải huyền,” những dấu hiệu này không ngầm chỉ về một thời gian cụ thể, nhưng chỉ nhắc đến những biến cố thường xảy ra trong lịch sử, khiến Giáo hội cảm thấy cần phải thường xuyên chuẩn bị để đón Chúa, và nêu cao chân lý này là giữa những khó khăn của cuộc đời trần ai, hy vọng vẫn bừng sáng. Thiên Chúa đã thắng, nhưng trong gian đoạn chờ mong Đức Kitô lại đến, tội lỗi vẫn còn tràn lan, hoành hành trong lòng con người, giữa cuộc sống xã hội: có đức tin, nhưng cũng có vô tín, vô thần; thiện ác đang quyết liệt tranh



chấp lương tâm con người cho tới cùng. Quang lâm sẽ kết thúc lịch sử, hoàn tất công trình của Đức Kitô, “và đưa thời gian tới hồi viên mãn là quy tụ muôn loài trong trời đất dưới quyền một thủ lãnh là Đức Kitô” (Ep 1:10). “Lúc muôn loài đã quy phục Đức Kitô, thì chính Ngài, vì là Con, cũng sẽ quy phục Đấng bắt muôn loài phải quy phục Ngài, và như vậy Thiên Chúa sẽ là tất cả trong tất cả” (1Cr 15:28). Vậy, Quang lâm là chiều kích còn ẩn giấu của mầu nhiệm Phục sinh, là đối tượng hy vọng của Kitô giáo.

## PHÁN XÉT

Trong Kinh Thánh, phán xét là một cuộc Thiên Chúa can thiệp vào trong lịch sử để thay đổi khuynh hướng của loài người đối với Người. Từ thế kỷ thứ hai, Kinh Tin Kính đã nói về cuộc phán xét cuối cùng, khi Thiên Chúa nhờ Đức Kitô sẽ “đánh giá” toàn thể lịch sử cứu rỗi, nghĩa là chiều kích cả sáng tạo lẫn cứu chuộc. Phán xét là việc cánh chung, nghĩa là sẽ xảy ra sau khi lịch sử đã kết thúc rồi. Trong Kitô giáo chân lý này là đối tượng của đức tin, hơn nữa là niềm trông đợi của Hội Thánh, mà trong phụng vụ tuyên xưng: “từ đó – *inde*, từ bên hữu Thiên Chúa – Ngài sẽ trở lại *trong vinh quang* để phán xét...”; và Kinh Thánh kết thúc: “Xin Chúa Kitô hãy đến!”

Trong Cựu Ước, người công chính ước ao Chúa Giavê thiết lập công bình ở giữa loài người: “Lạy Chúa, xin đứng lên, đừng để cho phàm nhân thắng thế, xin Chúa đòi chur dân ra trước mặt Ngài mà xét xử” (Tv 9:20). Ngày ấy các tiên tri gọi là “ngày của Đức Giavê” (x. Am 5:18tt), và họ diễn tả cách ghê rợn dễ sợ, vì “Chúa sẽ dùng lửa và lưỡi kiếm mà xét xử mọi người phàm (x. Is 66:16). Sứ ngôn Gioen mời “các dân nước... tiến lên cánh đồng Giôsaphát, vì tại đó Ta sẽ ngự tòa xét xử mọi dân nước chung quanh” (Ge 4:12). Hình bóng này đã có ảnh hưởng trên truyền thống Kitô cho đến nay.

Trong Tân Ước, “ngày Thiên Chúa” trở nên “ngày của Chúa

[Kitô]” (1Ts 5:2), “ngày của Đức Kitô-Giêsu” (Pl 1:6.10; 2:16), “ngày của Con Người” (Lc 17:24). Các giáo phụ đã diễn tả “ngày ấy” cách hùng hồn và phụng vụ đã từng thể kỷ hát thi ca *Dies irae*, khiến tín hữu rung mình. Tân Ước dạy rằng Đức Kitô là “Đấng sẽ phán xét kẻ sống và kẻ chết” (2Tm 4:1; x. Cv 10:42; 17: 31; Rm 14:9; 1Cr 5:10; Ga 5:26-30). Về ngày đó, thánh Irênê viết:

“Ngài sẽ phán xét mọi tạo vật với công bằng, và sẽ gửi các ác quỷ xuống lửa muôn đời, trong khi các người công chính và các thánh, vì đã kiên trì ở trong tình thương, Ngài sẽ ban cho ơn bất tử và vinh quang ngàn thu. Lúc đến lần đầu tiên, Ngài bị các thợ xây gạt bỏ... Khi đến lần thứ hai, Ngài sẽ ngự trên mây trời, ‘Ngài như lửa của thợ luyện kim,’ sẽ đánh đất với lời Ngài và hủy diệt kẻ bất nhân với hơi miệng; Ngài cầm cái chĩa mà sảy lúa trong sân mình, thu thóc vào kho còn rơm thì bỏ vào lửa không hề tắt. Vì thế chính Chúa khuyến khích các môn đồ phải không ngừng canh thức, tay cầm đèn sẵn như đầy tớ chờ chủ mình về, như ngày ông Noê hồng thủy tiêu diệt tất cả, hoặc trong thời ông Lót khi Chúa khiến trời mưa lửa và diêm sinh hủy diệt hết thảy ở Sôđôm. Ngày Con Người sự việc cũng sẽ xảy ra như vậy.”

Những hình ảnh này mang ý nghĩa xã hội. Lịch sử là một cuộc chiến thường xuyên giữa sự thiện và sự ác, và thật sự là điều cần được phân định liên tục. Quả thế, ở dưới đất này chân thật và công bình chưa bao giờ được thấy rõ ràng. Vì thế, lương tâm tôn giáo mong đợi một “ngày cuối cùng” khi công lý thắng cuộc rực rỡ, khi sự thật về mình, về người khác và mọi sự sẽ được tiết lộ. Đó là điều Chúa hứa:

“Khi Con Người đến trong vinh quang của Ngài, có tất cả các thiên sứ theo hầu, bấy giờ Ngài sẽ ngự lên ngai vinh hiển của Ngài, các dân thiên hạ sẽ được tập hợp trước mặt Ngài, và Ngài sẽ tách biệt họ với nhau, như mục tử tách biệt chiên với dê...” (Mt 25,31-32).

Thánh Phaolô cũng nói: “Tất cả chúng ta đều phải được đưa ra ánh sáng trước tòa Đức Kitô, để mỗi người lãnh nhận những gì tương xứng với các việc tốt hay xấu đã làm khi còn ở trong thân



xác” (2Cr 5:10). Mt 25:31tt cho thấy “việc tốt hay xấu” là hành vi đối với nhu cầu của người anh chị em, và rốt cuộc đó chính là hành vi đối với Đức Kitô. Vì, không thể giữ thái độ hoặc lập trường “trung lập” đối với Đức Kitô, như Ngài đã xác định rõ: “Ai không đi với tôi là chống tôi; và ai không cùng tôi thu góp là phân tán” (Mt 12:30). Phải nhận lấy trách nhiệm về số phận riêng và chung, về những ân huệ và tài năng mình nhận được; như các đấng tở siêng năng hoặc lười biếng, mọi người sẽ được thưởng hay bị phạt tùy cách sử dụng tốt hay xấu những gì nhận được (x. Mt 25:14-30). Dù trong lần đầu, Đức Kitô đến không phải để lên án, nhưng là để cứu độ; song những kẻ không chịu tin thì đã bị lên án rồi, vì đã không tin vào danh của Con Một Thiên Chúa (x. Ga 3:17-18). Theo Gioan, phán xét cuối cùng chỉ là để tiết lộ bản án của việc phán xét hiện đang tiến thành trong đời sống hằng ngày. Thánh Basiliô viết:

“Ngày ấy, sẽ không có ai tố cáo bạn ngoài chính những việc bạn đã làm. Mỗi việc làm sẽ bước lên với tính chất đặc thù của nó: ngoại tình, áp bức, cướp bóc, giả dối... mỗi tội lỗi sẽ chỉ đích danh bạn theo bản sắc đặc thù của nó. Phúc cho ai biết thương xót vì sẽ được xót thương.”

Khi tuyên xưng Đức Kitô sẽ trở xuống “để phán xét kẻ sống và kẻ chết”, thì đồng thời cũng nói lên lòng tin vào cuộc “kẻ chết sẽ sống lại”, như sẽ thấy. Cuộc phán xét là hồi kết thúc và hoàn tất công trình của Đức Kitô (x. Kh 19:11), vì thế đối với các tín hữu đó là “tin mừng”, là niềm hy vọng (x. 1Cr 11:32; 1Tx 1:10; 2Pr 2:9). Các kitô hữu hằng nài xin: “Xin Chúa lại đến!” (Kh 22:20; 1Cr 16:22). Như thánh Gioan biểu trình: vì tin vào Đức Kitô, chúng ta được biết Thiên Chúa là tình yêu; vậy, nếu chúng ta ở lại trong tình yêu, thì “Căn cứ vào điều này mà tình yêu đã nên hoàn hảo với chúng ta: đó là được mạnh dạn trong ngày phán xét, vì Đức Giêsu thế nào thì chúng ta cũng như vậy ở thế gian này. Trong tình yêu không có sợ hãi; trái lại, tình yêu hoàn hảo loại trừ sợ hãi, vì sợ hãi gắn liền với hình phạt và ai sợ hãi thì không đạt tới tình yêu hoàn hảo” (1Ga 4:17-18).

Hình ảnh của thẩm phán tuyệt đối thì rất dung hậu: không phải là một quan tòa chỉ nghĩ đến trả thù, chỉ biết nắm công bằng giống như chiếc cân. Vị thẩm phán này là Đấng Cứu chuộc đầy lòng xót thương. Mặt khác, số phận chung quyết kết tinh từ những hành vi trong cuộc sống hằng ngày: sống trung thành với Chúa thì sẽ gặp Ngài trung hậu (x. Mt 10:32). Đức Kitô sẽ là mặt gương cho tôi soi để thấy con người tôi. Không thể mua vé để vào thiên đàng, nhưng cần được Chúa nhân từ đón nhận vào nhà Cha. Trong dụ ngôn Mt 25:31 tt trình thuật về cuộc phán xét chung: tất cả đều bỡ ngỡ trước bản án... thế mới thấy rõ là không ai có thể tự mãn cho là mình đã biết được kết quả rồi, mà chỉ biết cậy trông phó thác vào nơi lòng nhân hậu vô biên của Chúa. Chân lý về cuộc phán xét nêu bật trách nhiệm và giá trị của tự do con người: mỗi cử chỉ, hành động đều được lượng giá trước mặt Thiên Chúa, để tạo nên điều kiện cho tư cách làm công dân Nước Trời hoặc trở thành duyên cớ cho cuộc đời rời xa Thiên Chúa.

\* \* \*



## TRONG SỐ NÀY

Lời Nói Đầu.....	1
Khái quát về Kinh Tin Kính.....	7
Tôi tin kính một Thiên Chúa.....	18
Tôi tin kính Đức Giêsu Kitô.....	64
Sinh bởi Đức Trinh Nữ.....	84
Chịu nạn thời Phongxiô Philatô.....	105
Sống lại.....	139
Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần.....	175
Tôi tin có Hội Thánh.....	203
Tôi tin Phép tha tội.....	232
Tôi tin xác loài người sống lại.....	243

HTTH Số 38 & 39 Năm XV (2005)

Với phép Bề Trên cho tham quyền